

ACCU-CHEK® Guide



HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHO NGƯỜI DÙNG

MÁY ĐO ĐƯỜNG HUYẾT CÁ NHÂN



Mục lục

Giới thiệu	2
Chương 1: Tìm hiểu về hệ thống mới của bạn.....	5
Chương 2: Đo đường huyết.....	11
Chương 3: Kiểm tra bằng dung dịch chứng.....	20
Chương 4: Cài đặt máy đo.....	24
Chương 5: Xem dữ liệu của bạn	34
Chương 6: Kết nối không dây và ghép nối máy đo	42
Chương 7: Bảo trì máy đo và xử lý sự cố.....	49
Chương 8: Thông tin kỹ thuật.....	58
Chương 9: Bảo hành	63
Văn bản hiển thị tiếng Việt.....	64
Chỉ mục.....	70

Giới thiệu

Hướng dẫn sử dụng cho người dùng này bao gồm các cảnh báo, biện pháp phòng ngừa và các lưu ý:



CẢNH BÁO

Một **CẢNH BÁO** cho biết một nguy cơ nghiêm trọng có thể dự đoán được.



BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA

Một **BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA** mô tả biện pháp bạn nên thực hiện để sử dụng sản phẩm một cách an toàn và hiệu quả hoặc để tránh gây hư hỏng sản phẩm.

LƯU Ý

Một **LƯU Ý** mô tả thông tin quan trọng cần chú ý nhằm giúp bạn sử dụng tối đa các tính năng của sản phẩm.

Hệ thống máy đo đường huyết Accu-Chek Guide

Máy đo đường huyết Accu-Chek Guide và que thử đường huyết Accu-Chek Guide được dùng để định lượng nồng độ đường trong máu mao mạch toàn phần tươi lấy từ đầu ngón tay, lòng bàn tay, cẳng tay và bắp tay, đây là công cụ hỗ trợ theo dõi hiệu quả kiểm soát đường huyết.

Máy đo đường huyết Accu-Chek Guide và que thử đường huyết Accu-Chek Guide được dùng cho bệnh nhân đái tháo đường để tự xét nghiệm chẩn đoán in vitro.

Máy đo đường huyết Accu-Chek Guide và que thử đường huyết Accu-Chek Guide được dùng cho nhân viên y tế để xét nghiệm tại chỗ chẩn đoán in vitro cho bệnh nhân tại các cơ sở y tế. Chỉ nhân viên y tế được thực hiện xét nghiệm máu tĩnh mạch, động mạch và máu của trẻ sơ sinh.

Hệ thống này không được sử dụng để chẩn đoán bệnh đái tháo đường, cũng như không để xét nghiệm các mẫu máu cuống rốn trẻ sơ sinh.

Phù hợp để tự đo

Hệ thống này bao gồm: máy đo đường huyết Accu-Chek Guide kèm pin, que thử đường huyết

Accu-Chek Guide* và dung dịch chứng Accu-Chek Guide*.

*Một vài phụ kiện có thể không đi kèm theo máy. Các phụ kiện này được mua riêng.

CẢNH BÁO



Nguy cơ ngạt thở

Sản phẩm này có các bộ phận nhỏ có thể nuốt phải. Để các bộ phận nhỏ xa tầm với của trẻ em và những người có thể nuốt phải các bộ phận nhỏ.

Nguy cơ chấn thương đe dọa đến tính mạng

- Đảm bảo pin mới và cũ tránh xa tầm tay trẻ em. Việc nuốt phải hoặc đưa pin vào cơ thể có thể gây bỏng hóa chất, thủng các mô mềm và tử vong. Bỏng nặng có thể xảy ra trong vòng 2 giờ sau khi nuốt. Nếu bạn nghĩ rằng có thể đã nuốt phải pin hoặc pin nằm trong bất kỳ bộ phận nào của cơ thể, hãy đi khám ngay lập tức.
- Nếu ngăn đựng pin không được đóng chặt, hãy dừng sử dụng sản phẩm và tránh xa tầm tay trẻ em. Liên hệ Roche.

CẢNH BÁO

Nguy cơ lây nhiễm

Bất kỳ vật thể nào có tiếp xúc với máu người đều có thể là nguồn lây nhiễm (tham khảo: Clinical and Laboratory Standards Institute: Protection of Laboratory Workers from Occupationally Acquired Infections; Approved Guideline – Fourth Edition; CLSI document M29-A4, May 2014). Các nhân viên y tế: xem thêm phần Thông tin dành cho nhân viên y tế ở chương Thông tin kỹ thuật.

Nguy cơ xảy ra sự cố nghiêm trọng đối với sức khỏe

Không tuân theo hướng dẫn xét nghiệm hoặc hướng dẫn bảo quản và xử lý que thử có thể dẫn đến kết quả đo không chính xác và có thể dẫn đến điều trị không đúng cách. Đọc kỹ và làm theo các hướng dẫn trong Hướng dẫn sử dụng cho người dùng và tờ hướng dẫn sử dụng để biết thông tin về que thử và dung dịch chứng.

Tại sao đo đường huyết thường xuyên lại quan trọng

Việc đo đường huyết thường xuyên có thể mang lại khác biệt lớn trong cách bạn kiểm soát bệnh đái tháo đường của mình hàng ngày. Chúng tôi đã giúp việc này đơn giản nhất có thể.

Thông tin quan trọng về máy đo mới của bạn

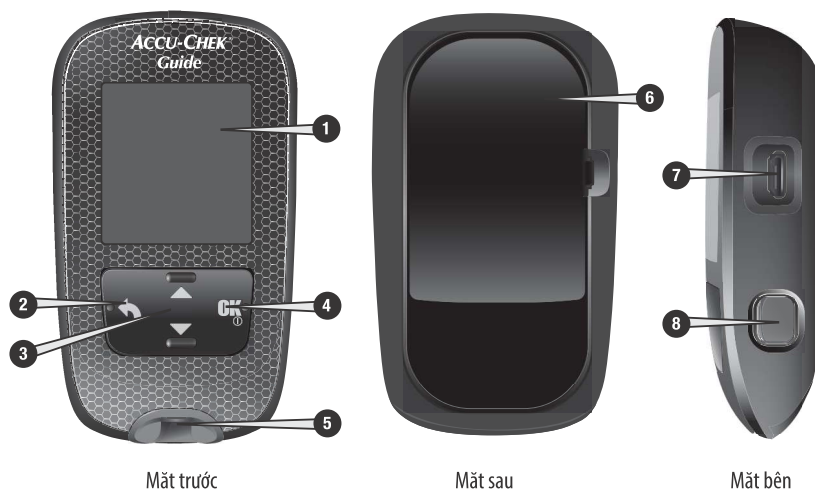
- Chúng tôi chân thành khuyên bạn nên có sẵn phương pháp đo dự phòng. Việc đo không thành công có thể gây ra sự chậm trễ trong các quyết định điều trị và dẫn đến tình trạng bệnh nặng. Ví dụ về các phương pháp đo dự phòng bao gồm máy đo đường huyết và que thử dự phòng. Hãy hỏi ý kiến nhân viên y tế hoặc dược sĩ về các phương án dự phòng khả dụng khác.
- Máy đo có thể nhắc nhở bạn chọn ngôn ngữ và định dạng thời gian (theo định dạng 12 giờ hoặc 24 giờ) ngay lần đầu tiên bạn bật máy.
- Kiểm tra thời gian và ngày trên máy đo trước khi bạn bắt đầu đo. Điều chỉnh thời gian và ngày nếu cần thiết.
- Màn hình dữ liệu mẫu bằng tiếng Anh sẽ được hiển thị trong toàn bộ hướng dẫn. Dữ liệu của bạn sẽ khác biệt.
- Nếu bạn tuân thủ các bước trong hướng dẫn này nhưng vẫn có các triệu chứng dường như không khớp với kết quả đo hoặc nếu bạn có thắc mắc, hãy nói chuyện với nhân viên y tế của bạn.

Báo cáo các sự cố nghiêm trọng

Đối với bệnh nhân/người dùng/bên thứ ba trong Liên minh Châu Âu và các quốc gia có chế độ quản lý tương tự; nếu xảy ra sự cố nghiêm trọng trong khi sử dụng thiết bị này hoặc như là kết quả của việc sử dụng thiết bị, vui lòng báo cáo với nhà sản xuất và cơ quan có thẩm quyền tại quốc gia của bạn.

1 Tìm hiểu về hệ thống mới của bạn

Máy đo Accu-Chek Guide



1. Màn hình

Hiển thị kết quả, thông báo và kết quả đo được lưu trong bộ nhớ.

2. Nút quay lại

Quay lại màn hình hoặc trường trước đó.

3. Nút mũi tên lên và xuống

Ấn để di chuyển giữa các lựa chọn trong menu hoặc để tăng hay giảm số.

4. Nút tắt/mở/cài đặt/OK

Bật hoặc tắt máy đo và cài đặt các tùy chọn.

5. Khe cắm que thử có đèn

Lắp que thử vào đây.

6. Nắp pin

Bật mở nắp để thay pin.

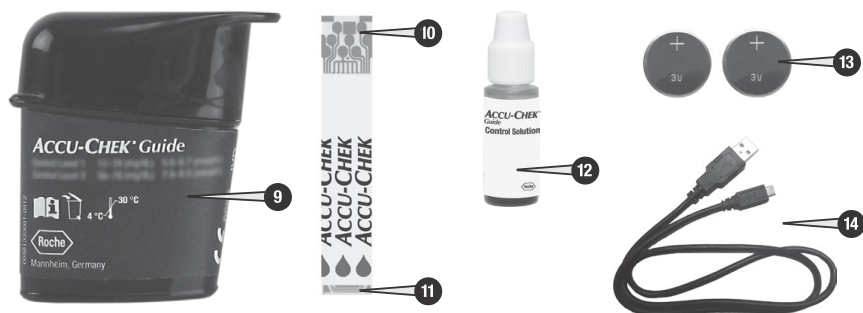
7. Cổng micro USB

Truyền tải dữ liệu từ máy đo tới máy tính (PC).

8. Bộ nhả que thử

Ấn để loại bỏ que thử.

1 Tìm hiểu về hệ thống mới của bạn



9. Lọ chứa que thử*
(ví dụ)

10. Que thử* – đầu điện cực kim loại
Lắp đầu này vào máy đo.

11. Que thử* – cạnh màu vàng
Cho giọt máu hoặc dung dịch chứng tiếp xúc vào đây.

12. Lọ đựng dung dịch chứng*

13. Pin

14. Cáp USB*

Kết nối máy đo với máy tính.

*Một vài phụ kiện có thể không đi kèm theo máy.
Các phụ kiện này được mua riêng.

1 Tìm hiểu về hệ thống mới của bạn

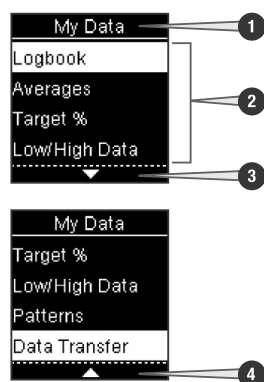
Các chức năng của nút bấm

Đây là những chức năng của các nút quay lại, mũi tên và nút tắt/mở/cài đặt/OK trên máy đo. Những chức năng này được sử dụng trong suốt hướng dẫn. Tham khảo chương Cài đặt máy đo để biết hướng dẫn cụ thể để cài đặt máy đo.

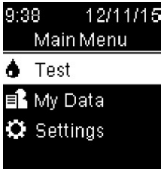
Nút	Chức năng
 Nút quay lại	Quay lại màn hình trước đó. Quay lại trường trước đó.
  Nút mũi tên lên và xuống	Điều chỉnh lên và xuống trong menu. Tăng hoặc giảm số.
 Nút tắt/mở/cài đặt/OK	Ấn nhanh để bật máy đo. Ấn và giữ để tắt máy đo. Ấn để chọn một lựa chọn. Ấn để di chuyển đến trường hoặc màn hình tiếp theo. Ấn để lưu lựa chọn. Khi máy đo tắt, ấn và giữ để kiểm tra màn hình máy đo. Display Check

1 Tìm hiểu về hệ thống mới của bạn

Menu của máy đo



1. Tiêu đề màn hình hoặc menu
2. Lựa chọn trong menu
3. Kéo xuống
4. Kéo lên

Màn hình	Mô tả
	Có thêm các lựa chọn khác trong menu được liệt kê bên dưới lựa chọn gần nhất. Ấn  trên máy đo để xem các lựa chọn đó.
	Có thêm các lựa chọn khác trong menu được liệt kê bên trên lựa chọn đầu tiên. Ấn  trên máy đo để xem các lựa chọn đó.
	Có thêm các lựa chọn khác trong menu được liệt kê bên trên và bên dưới các lựa chọn. Ấn  hoặc  trên máy đo để xem các lựa chọn đó.
	Mục đã chọn (Test (Đo / Kiểm tra)) Ấn OK để mở menu Test (Đo / Kiểm tra).
	Trường đã chọn (HH =Giờ) Ấn  hoặc  để tăng hoặc giảm giờ. Ấn OK để cài đặt giờ và di chuyển đến trường phút.

1 Tìm hiểu về hệ thống mới của bạn

Biểu tượng

Đây là danh sách các biểu tượng trên màn hình máy đo.

Biểu tượng	Mô tả
	Cao hơn khoảng chỉ số mục tiêu
	Sau bữa ăn
	Giờ đi ngủ
	Trước bữa ăn
	Thấp hơn khoảng chỉ số mục tiêu
	Đo đường huyết
	Dấu kiểm / Kiểm tra bằng dung dịch chứng đã đạt / Lựa chọn hoặc cài đặt đã chọn
	Lọ đựng dung dịch chứng
	Kiểm tra bằng dung dịch chứng không đạt
	Chỉnh sửa
	Lỗi
	Khi đói
	Chế độ máy bay
	Trợ giúp
	Pin yếu
	Dữ liệu của tôi
	Không có bình luận
	Khác

Biểu tượng	Mô tả
	Toàn bộ
	Cài đặt
	Chế độ báo nhắc nhở đo
	Cảnh báo
	Trong khoảng chỉ số mục tiêu

Cài đặt ngôn ngữ và định dạng thời gian

Máy đo có thể nhắc nhở bạn chọn ngôn ngữ và định dạng thời gian (theo định dạng 12 giờ hoặc 24 giờ) ngay lần đầu tiên bạn bật máy.

1

Language

✓ English

简体中文

繁體中文

Dansk

Bật máy đo bằng cách ấn nhanh vào **OK**.

Language (Ngôn ngữ) sẽ xuất hiện.

2

Language

Dansk

✓ Deutsch

Español

Français

Ấn  hoặc  để chọn ngôn ngữ. Ấn **OK** để xác nhận ngôn ngữ mong muốn và quay lại **Main Menu** (Menu chính).

1 Tìm hiểu về hệ thống mới của bạn

3

Time Format

✓ 12 hour

24 hour



Nếu máy đo nhắc bạn
cài đặt định dạng thời
gian:

Time Format (Định dạng
thời gian) sẽ xuất hiện. Ấn
☑ hoặc ☒ để chọn

12 hour (12 giờ) (sáng/chiều) hoặc **24 hour**
(24 giờ).

Ấn **OK** để xác nhận lựa chọn và quay lại **Main
Menu** (Menu chính).

LƯU Ý

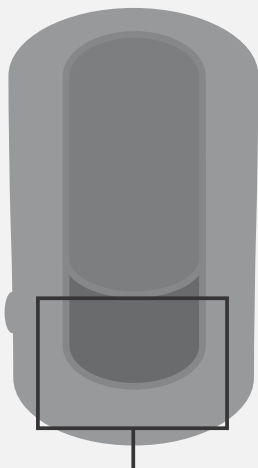
Nếu bạn chọn sai ngôn ngữ và không thể sửa lại,
hãy liên hệ Roche.

2 Đo đường huyết

CẢNH BÁO

Nguy cơ xảy ra sự cố nghiêm trọng đối với sức khỏe

Sử dụng sai đơn vị đo có thể gây hiểu sai nồng độ đường huyết thực tế của bạn và dẫn đến những quyết định điều trị không phù hợp. Kết quả đường huyết có thể hiển thị dưới dạng đơn vị đo mg/dL hoặc mmol/L. Nhấn mặt sau của máy đo sẽ cho biết đơn vị đo. Nếu máy đo hiển thị sai đơn vị, hãy liên hệ Roche. Nếu bạn không biết đơn vị đo phù hợp với mình, hãy liên hệ nhân viên y tế của bạn.



mg/dL hoặc mmol/L được in tại đây

Cách sử dụng hệ thống máy đo đường huyết Accu-Chek Guide

CẢNH BÁO

Nguy cơ xảy ra sự cố nghiêm trọng đối với sức khỏe

- Nếu bạn đánh rơi máy đo hoặc đánh rơi máy đo đã lắp que thử, máy đo và/hoặc que thử có thể bị hư hỏng. Thải bỏ que thử và thực hiện kiểm tra bằng dung dịch chứng với dung dịch chứng và que thử mới, chưa qua sử dụng để đảm bảo máy đo và que thử hoạt động chính xác. Sau đó lắp lại thao tác đo đường huyết bằng một que thử mới.
 - Que thử được bảo quản hoặc sử dụng không đúng cách có thể cho kết quả đo không chính xác.
 - Không bảo quản que thử ở những nơi có nhiệt độ và độ ẩm cao (phòng tắm hoặc bếp)! Sức nóng và độ ẩm có thể làm hỏng que thử.
-
- Chỉ sử dụng que thử đường huyết Accu-Chek Guide.
 - Sử dụng que thử ngay sau khi lấy ra khỏi lọ chứa que thử.
 - Không nhỏ máu hoặc dung dịch chứng vào que thử trước khi lắp que thử vào máy đo.
 - Đóng chặt nắp lọ chứa que thử ngay sau khi lấy que thử ra để đảm bảo que thử không bị ẩm.
 - Bảo quản que thử chưa sử dụng trong lọ chứa que thử ban đầu và đóng chặt nắp.
 - Kiểm tra hạn sử dụng trên lọ chứa que thử. Không sử dụng que thử đã hết hạn sử dụng.
 - Bảo quản lọ chứa que thử và máy đo tại nơi khô thoáng như phòng ngủ.

2 Đo đường huyết

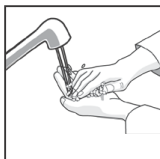
- Đọc kỹ tờ hướng dẫn sử dụng que thử để biết cách bảo quản que thử và điều kiện vận hành hệ thống.

Tiến hành đo đường huyết với máu lấy từ đầu ngón tay của bạn

LƯU Ý

- Trước khi bạn tiến hành đo đường huyết lần đầu tiên, hãy cài đặt máy đo chính xác.
- Bạn cần chuẩn bị máy đo, que thử và thiết bị lấy máu đã lắp sẵn kim để tiến hành đo đường huyết.
- Không thể tiến hành đo đường huyết khi máy đo đang kết nối với PC qua cable USB.
- Có 2 cách để bắt đầu đo đường huyết.
 - Lắp que thử vào máy đo.
 - Bật máy đo bằng cách ấn nhanh vào **OK**.
Chọn **Test** (Đo / Kiểm tra) > **OK**.

1



Rửa tay bằng xà phòng và nước ấm và để tay thật khô.
Chuẩn bị thiết bị lấy máu.

2



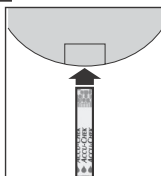
Kiểm tra hạn sử dụng trên lọ chứa que thử.
Không sử dụng que thử đã quá hạn sử dụng.

3



Lấy que thử ra khỏi lọ chứa que thử.
Đóng chặt nắp.

4



Lắp đầu điện cực kim loại của que thử vào máy đo.

Test



Preparing to test

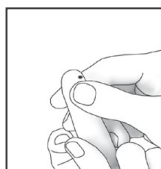
Bật máy đo. Biểu tượng **Preparing to test** (Đang chuẩn bị kiểm tra / Đang chuẩn bị đo) sẽ xuất hiện.

5



Khi màn hình hiển thị **Apply drop** (Nhỏ giọt), hãy dùng thiết bị lấy máu để chích máu đầu ngón tay.

6



Vuốt nhẹ ngón tay để hỗ trợ máu lưu thông.
Việc này sẽ giúp bạn lấy được một giọt máu.

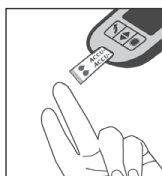
2 Đo đường huyết

7



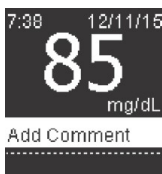
Cho giọt máu tiếp xúc với **cạnh màu vàng** của que thử. Không nhỏ máu lên đầu que thử.

8

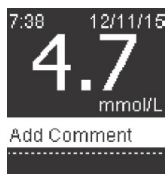


Nhấc ngón tay khỏi que thử khi xuất hiện **Analyzing** (Đang phân tích).

9



hoặc



Kết quả đo sẽ xuất hiện trên màn hình.

Bạn có thể lựa chọn thêm bình luận vào kết quả đo bằng cách ấn vào **OK** HOẶC đi tiếp đến bước 11 để hoàn thành quá trình đo.

10

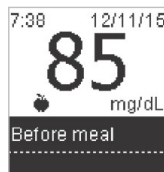


hoặc

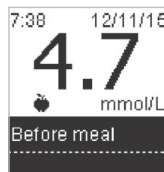


Add Comment (Thêm bình luận) xuất hiện. Ấn **OK** để chọn một bình luận. Ấn **OK** để xác nhận bình luận cho kết quả đo đó. Tham khảo phần Thêm bình luận vào Kết quả đường huyết của chương này để biết thêm chi tiết.

11



hoặc



Kết quả gần nhất sẽ xuất hiện. Ấn **OK** hoặc **OK** để xác nhận bình luận và quay lại **Main Menu** (Menu chính). Hoặc để thay đổi bình luận, ấn **OK** để chọn bình luận.

Ấn **OK** để quay lại **Add Comment** (Thêm bình luận).

LƯU Ý

Khi tiến hành **đo đường huyết**: Nếu màn hình **Control Result** (Kết quả kiểm chứng) xuất hiện thì đã có lỗi xảy ra.

- Không thực hiện hành động gì dựa trên kết quả đường huyết này.
- Thải bỏ que thử và lặp lại thao tác đo đường huyết với một que thử mới.

2 Đo đường huyết

12

Tháo và thải bỏ que thử đã qua sử dụng bằng cách rút que thử ra khỏi máy đo hoặc ấn bộ nhả que thử ở bên hông máy đo.



Ấn vào đây để nhả que thử

Cảnh báo đường huyết

Nếu kết quả đường huyết của bạn nằm ngoài khoảng đo của máy đo thì cảnh báo sẽ xuất hiện. Ấn **OK** để xác nhận cảnh báo LO hoặc HI, HOẶC máy đo sẽ tự động chuyển sang màn hình kết quả LO hoặc HI.

⚠ WARNING
LO Result

Retest BG.
Contact your
healthcare
professional.

9:38 12/11/15

LO

Add Comment

Mức đường huyết có thể thấp hơn khoảng đo của hệ thống. Tham khảo phần Kết quả đường huyết bất thường trong chương này.

⚠ WARNING
HI Result

Consider checking
BG, ketones, and
insulin.

9:38 12/11/15

HI

Add Comment

Mức đường huyết có thể cao hơn khoảng đo của hệ thống. Tham khảo phần Kết quả đường huyết bất thường trong chương này.

2 Đo đường huyết

Thêm bình luận vào kết quả đường huyết

LƯU Ý

Việc phân tích kết quả đường huyết được lưu trong máy đo là một cách hữu hiệu giúp bạn và nhân viên y tế xác định được hiệu quả của việc kiểm soát đái tháo đường. Phân tích này là một công cụ rất hữu ích giúp cải thiện việc kiểm soát bệnh đái tháo đường. Phải thật cẩn thận khi thêm bình luận vào kết quả đường huyết. Các bình luận sai có thể dẫn đến máy đo xác định xu hướng không chính xác nếu Patterns (Xu hướng) được **On** (Bật).

Tổng quan

Điều rất quan trọng là phải cài đặt đúng thời gian và ngày trong máy đo. Việc cài đặt chính xác thời gian và ngày sẽ giúp bạn và nhân viên y tế diễn giải chính xác thông tin.

- Bạn có thể thêm bình luận vào kết quả đường huyết để giúp bạn và nhân viên y tế phân tích các xu hướng mà máy đo xác định được (tham khảo phần Xu hướng trong chương Cài đặt máy đo để biết thêm chi tiết).
- Nếu đã **On** (Bật) Patterns (Xu hướng), thì khi máy đo xác định được một xu hướng, bạn sẽ KHÔNG THỂ thay đổi bình luận liên quan đến kết quả đường huyết (tham khảo phần Xu hướng trong chương Cài đặt máy đo để biết thêm chi tiết).
- Việc thêm một bình luận sẽ giúp lưu bình luận đó và biểu tượng cùng kết quả đường huyết.

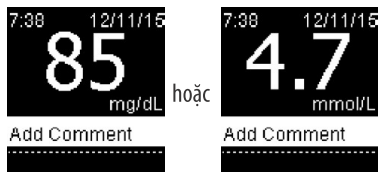
Dưới đây là danh sách các biểu tượng bình luận có thể thêm vào kết quả đường huyết.

Biểu tượng	Tên	Mô tả
	Before meal (Trước bữa ăn)	Nếu Patterns (Xu hướng) đã On (Bật), hãy chọn Before breakfast (Trước bữa sáng), lunch (bữa trưa), dinner (bữa tối) hoặc snack (ăn nhẹ) (xem trang sau để thêm bình luận khi Patterns (Xu hướng) đã On (Bật)).
	After meal (Sau bữa ăn)	Nếu Patterns (Xu hướng) đã On (Bật), hãy chọn After breakfast (Sau bữa sáng), lunch (bữa trưa), dinner (bữa tối) hoặc snack (ăn nhẹ) (xem trang sau để thêm bình luận khi Patterns (Xu hướng) đã On (Bật)).
	Fasting (Khi đói)	Chọn Fasting (Khi đói) khi không nạp calo trong ít nhất 8 tiếng.*
	Bedtime (Giờ đi ngủ)	
	Other (Bình luận khác)	Bạn có thể sử dụng bình luận này để đánh dấu cho một sự việc như kết quả từ vị trí lấy máu thay thế (Alternative Site testing, AST) hoặc tập thể dục.
	No entry (Không có mục nhập)	1. Bạn không muốn thêm bình luận. 2. Bạn muốn xóa bình luận cho kết quả đường huyết hiện tại.

*American Diabetes Association: Standards of Medical Care in Diabetes—2020.

2 Đo đường huyết

1



Sau khi tiến hành đo đường huyết, kết quả đo sẽ được hiển thị trên màn hình với mục **Add Comment** (Thêm bình luận) được làm nổi bật. Ấn **OK** để thêm bình luận.

2



Menu **Add Comment** (Thêm bình luận) sẽ xuất hiện. Ấn **▼** để chọn bình luận mong muốn (ví dụ ở đây là **Before meal** (Trước bữa ăn)). Ấn **OK** để chọn bình luận.

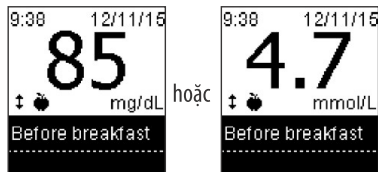


Nếu Patterns (Xu hướng) On (Bật):

Nếu **Patterns** (Xu hướng) đang **On** (Bật) và bạn chọn **Before meal** (Trước bữa ăn) hoặc **After meal**

(Sau bữa ăn), ấn **▼** để chọn bữa ăn cụ thể (**Breakfast** (Bữa sáng), **Lunch** (Bữa trưa), **Dinner** (Bữa tối) hoặc **Snack** (Ăn nhẹ)). Ấn **OK** để xác nhận bữa ăn đã chọn để lấy kết quả đo.

3



Kết quả gần nhất sẽ xuất hiện cùng biểu tượng bình luận. Ấn **OK** hoặc **↩** để xác nhận bình luận và quay lại **Main Menu** (Menu chính). Để thay đổi bình luận, ấn **▼** để chọn bình luận. Ấn **OK** để quay lại **Add Comment** (Thêm bình luận).

Tiến hành đo đường huyết từ máu lấy tại lòng bàn tay, cẳng tay hoặc bắp tay (Vị trí lấy máu thay thế, AST)

⚠ CẢNH BÁO

Nguy cơ xảy ra sự cố nghiêm trọng đối với sức khỏe

Nồng độ đường huyết thay đổi ở đầu ngón tay và lòng bàn tay nhanh hơn ở cẳng tay và bắp tay. Việc thực hiện đo đường huyết bằng máu từ cẳng tay hoặc cánh tay trên có thể khiến bạn hiểu sai về nồng độ đường huyết thực tế của mình, dẫn đến điều trị không đúng cách.

- Không sử dụng vị trí lấy máu thay thế (AST) để hiệu chuẩn hệ thống theo dõi đường huyết liên tục.
- Không sử dụng vị trí lấy máu thay thế để tính toán liều insulin.
- Đo từ vị trí lấy máu thay thế chỉ nên được thực hiện trong các thời điểm trạng thái ổn định (khi lượng đường không thay đổi nhanh chóng).

2 Đo đường huyết

Bạn có thể chọn lấy mẫu máu từ các vị trí khác trên cơ thể ngoài đầu ngón tay. Các vị trí lấy máu thay thế bao gồm lòng bàn tay, cẳng tay và bắp tay.

Có thể sử dụng máu lấy từ đầu ngón tay và lòng bàn tay bất kỳ lúc nào để đo đường huyết.

Nếu sử dụng máu lấy từ cẳng tay và bắp tay, sẽ có một số thời điểm không phù hợp để đo.

Đọc phần tiếp theo trước khi bạn thử đo từ máu lấy tại cẳng tay hoặc bắp tay.

Bạn có thể tiến hành đo máu lấy tại cẳng tay hoặc bắp tay	• ngay trước bữa ăn. • khi đói.
Bạn KHÔNG THỂ tiến hành đo máu lấy tại cẳng tay hoặc bắp tay	• trong vòng 2 giờ sau khi ăn, là khi giá trị đường huyết tăng nhanh chóng. • sau khi tiêm insulin liều bolus, là khi giá trị đường huyết có thể giảm nhanh chóng. • sau khi tập thể dục. • nếu bạn bị bệnh. • nếu bạn cho rằng đường huyết của mình đang giảm (hạ đường huyết). • nếu đôi khi bạn không nhận ra rằng đường huyết của mình đang giảm.

Nếu bạn quan tâm đến lấy máu tại vị trí thay thế (AST), trước tiên hãy nói cho nhân viên y tế của bạn.

Để mua nắp AST và hướng dẫn AST chi tiết, hãy liên hệ Roche.

2 Đo đường huyết

Kết quả đường huyết bất thường



BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA

Nguy cơ xảy ra sự cố nghiêm trọng đối với sức khỏe

Nếu các kết quả đường huyết không phù hợp với cảm nhận của bạn, hãy kiểm tra danh sách sau đây để giúp giải quyết vấn đề.

Kiểm tra xử lý sự cố	Thao tác
Bạn đã rửa tay chưa?	Rửa tay bằng xà phòng và nước ấm và để tay thật khô. Lặp lại thao tác đo đường huyết bằng một que thử mới.
Que thử có hết hạn không?	Thải bỏ que thử nếu đã quá hạn sử dụng. Lặp lại thao tác đo đường huyết bằng một que thử còn hạn sử dụng.
Nắp lọ chứa que thử có luôn được đóng chặt không?	Thay que thử nếu bạn cho rằng thỉnh thoảng lọ chứa que thử không được đóng nắp. Lặp lại thao tác đo đường huyết.
Que thử có được sử dụng ngay sau khi lấy ra khỏi lọ chứa que thử không?	Lặp lại thao tác đo đường huyết bằng một que thử mới.
Que thử có được bảo quản ở nơi khô thoáng không?	Lặp lại thao tác đo đường huyết bằng một que thử được bảo quản đúng cách.
Bạn có thực hiện theo các hướng dẫn không?	Đọc kỹ chương Đo đường huyết và lặp lại thao tác đo đường huyết. Liên hệ Roche nếu bạn vẫn gặp phải vấn đề.
Máy đo và que thử có hoạt động chính xác không?	Tiến hành kiểm tra bằng dung dịch chứng. Tham khảo chương Kiểm tra bằng dung dịch chứng để được hướng dẫn.
Bạn vẫn không chắc chắn về vấn đề này?	Liên hệ Roche.

2 Đo đường huyết

Các triệu chứng của đường huyết thấp hoặc cao

CẢNH BÁO

Nguy cơ hạ đường huyết

Nhận thức được các triệu chứng của đường huyết thấp hoặc cao có thể giúp bạn hiểu kết quả đo của mình và quyết định phải làm gì nếu chúng có vẻ bất thường.

- Nếu bạn gặp bất kỳ triệu chứng nào sau đây, hoặc các triệu chứng bất thường khác, hãy đo đường huyết của bạn từ máu lấy tại đầu ngón tay hoặc lòng bàn tay.
- Nếu kết quả đường huyết của bạn được hiển thị là LO hoặc HI, hãy liên hệ ngay với nhân viên y tế của bạn.

Đường huyết thấp (hạ đường huyết): Các triệu chứng hạ đường huyết có thể bao gồm, nhưng không giới hạn, lo lắng, run rẩy, đổ mồ hôi, đau đầu, đói, chóng mặt, màu da nhợt nhạt, đột ngột thay đổi tâm trạng hoặc khó chịu, mệt mỏi, khó tập trung, vùng vể, đánh trống ngực và/hoặc lú lẫn.

Đường huyết cao (tăng đường huyết): Các triệu chứng tăng đường huyết có thể bao gồm, nhưng không giới hạn, khát nước hơn, đi tiểu thường xuyên, mờ mắt, buồn ngủ và/hoặc giảm cân không giải thích được.

Ảnh hưởng và tỷ lệ mắc bệnh

Để biết thông tin về ảnh hưởng và tỷ lệ mắc bệnh đái tháo đường trong khu vực của bạn, hãy truy cập trang web của Liên đoàn Đái tháo đường Quốc tế www.idf.org hoặc gửi email đến info@idf.org. Để được tư vấn thêm hoặc biết thêm thông tin về đường dây trợ giúp, hãy tham khảo tổ chức đái tháo đường quốc gia tại quốc gia của bạn.

3 Kiểm tra bằng dung dịch chứng

Thời điểm thực hiện kiểm tra bằng dung dịch chứng

Việc tiến hành kiểm tra bằng dung dịch chứng sẽ giúp bạn đảm bảo máy đo và que thử đang hoạt động ổn định. Bạn nên kiểm tra bằng dung dịch chứng khi:

- bạn mở một hộp que thử mới.
- bạn để lọ chứa que thử mở.
- bạn nghi ngờ que thử đã hỏng.
- bạn muốn kiểm tra máy đo và que thử.
- que thử được bảo quản ở nơi có nhiệt độ, độ ẩm cao hoặc cả hai.
- bạn làm rơi máy đo.
- kết quả đo không phù hợp với cảm nhận của bạn.
- bạn muốn kiểm tra xem mình thực hiện thao tác đo đúng cách không.

Thông tin về dung dịch chứng

- Chỉ sử dụng dung dịch chứng Accu-Chek Guide.
- Đóng chặt nắp lọ dung dịch chứng sau khi sử dụng.
- Ghi ngày mở lọ dung dịch chứng lên nhãn lọ. Dung dịch chứng phải được bỏ sau 3 tháng kể từ ngày mở nắp lọ dung dịch chứng (ngày thải bỏ) hoặc trước hạn sử dụng in trên nhãn lọ, tùy theo ngày nào sẽ đến trước.
- Không sử dụng dung dịch chứng đã quá hạn sử dụng hoặc quá ngày thải bỏ.
- Tham khảo tờ hướng dẫn sử dụng dung dịch chứng để biết các điều kiện bảo quản dung dịch chứng.
- Máy đo sẽ tự động nhận diện sự khác biệt giữa dung dịch chứng và máu.
- Các kết quả kiểm chứng không hiển thị trong bộ nhớ.
- Dung dịch chứng có thể làm ố vải. Làm sạch vết ố bằng cách giặt bằng nước và xà phòng.

Thực hiện kiểm tra bằng dung dịch chứng

Bạn cần chuẩn bị máy đo, que thử và dung dịch chứng có mức 1 hoặc 2.

1



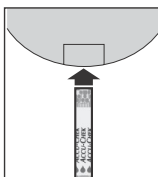
Kiểm tra hạn sử dụng trên lọ chứa que thử. Không sử dụng que thử đã quá hạn sử dụng.

2



Lấy que thử ra khỏi lọ chứa que thử.
Đóng chặt nắp.

3



Lắp đầu điện cực kim loại của que thử vào máy đo.
Đặt máy đo trên một bề mặt phẳng.

Test



Preparing to test

Bật máy đo. Biểu tượng **Preparing to test** (Đang chuẩn bị kiểm tra / Đang chuẩn bị đo) sẽ xuất hiện.

Test



Apply drop

Apply drop (Nhỏ giọt) sẽ xuất hiện.

3 Kiểm tra bằng dung dịch chứng

4



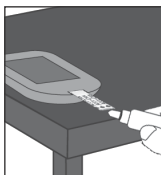
Chọn dung dịch chứng để kiểm tra. Bạn sẽ nhập mức nồng độ sau trong khi kiểm tra.

5



Mở nắp lọ. Lau sạch miệng lọ bằng khăn giấy. Bóp lọ cho đến khi một giọt nhỏ được tạo thành ở miệng lọ.

6

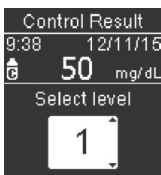


Cho giọt đó tiếp xúc với **cạnh màu vàng** của que thử. Không nhỏ dung dịch chứng lên đầu que thử.

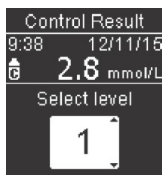


Analyzing (Đang phân tích) sẽ xuất hiện khi đã đủ dung dịch chứng trên que thử.

7



hoặc



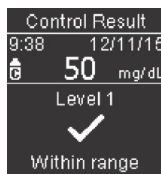
Control Result (Kết quả kiểm chứng) và biểu tượng lọ dung dịch chứng sẽ xuất hiện. Ấn hoặc để chọn mức dung dịch chứng bạn đã sử dụng. Nếu bạn không chọn một mức, kết quả kiểm chứng sẽ được lưu mà không có mức dung dịch chứng. Ấn **OK**.

LƯU Ý

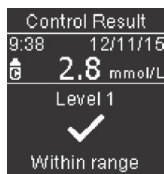
Khi tiến hành **kiểm tra bằng dung dịch chứng**: Nếu màn hình **Control Result** (Kết quả kiểm chứng) **KHÔNG** xuất hiện thì đã có lỗi xảy ra.

- Không thực hiện hành động gì dựa trên kết quả kiểm chứng này.
- Thải bỏ que thử và lặp lại thao tác kiểm tra bằng dung dịch chứng với một que thử mới.

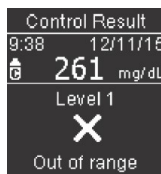
8



hoặc



Within range (Trong khoảng chỉ số mục tiêu) và sẽ xuất hiện nếu kết quả kiểm chứng nằm trong khoảng chỉ số mục tiêu.

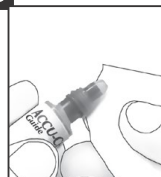


hoặc



Out of range (Ngoài khoảng chỉ số mục tiêu) và sẽ xuất hiện nếu kết quả kiểm chứng nằm ngoài khoảng chỉ số mục tiêu.

9



Lau sạch miệng lọ bằng khăn giấy. Đóng chặt nắp lọ.
Rút ra và thải bỏ que thử đã qua sử dụng.

LƯU Ý

Máy đo sẽ tắt trong vòng 90 giây sau khi đo thành công hoặc 15 giây sau khi tháo que thử, miễn là không thực hiện thao tác nào khác.

3 Kiểm tra bằng dung dịch chứng

Tìm hiểu kết quả kiểm chứng ngoài khoảng chỉ số mục tiêu



CẢNH BÁO

Nguy cơ xảy ra sự cố nghiêm trọng đối với sức khỏe

Kết quả đường huyết không chính xác có thể dẫn đến khuyến cáo điều trị sai.

Khoảng đo của dung dịch chứng được in trên nhãn của lọ chứa que thử. Nếu kết quả kiểm chứng nằm ngoài khoảng kiểm chứng chấp nhận được, hãy kiểm tra để đảm bảo rằng máy đo và que thử đang hoạt động ổn định. Xem danh sách sau đây để giúp xử lý sự cố.

3 Kiểm tra bằng dung dịch chứng

Kiểm tra xử lý sự cố	Thao tác
Que thử hay dung dịch chứng có còn hạn sử dụng hay không?	Thải bỏ que thử hoặc dung dịch chứng nếu đã quá hạn sử dụng. Nếu đã mở lọ dung dịch chứng quá 3 tháng, hãy bỏ đi. Lắp lại kiểm tra bằng dung dịch chứng với một que thử và dung dịch chứng còn hạn sử dụng.
Bạn có lau khô miệng lọ dung dịch chứng không?	Lau sạch miệng lọ bằng khăn giấy. Lắp lại kiểm tra bằng dung dịch chứng với một que thử mới và một giọt dung dịch chứng mới lấy.
Nắp của lọ chứa que thử và lọ dung dịch chứng có luôn được đóng chặt không?	Thay que thử hoặc dung dịch chứng nếu bạn nghi ngờ một trong hai lọ bị mở nắp trong một khoảng thời gian. Lắp lại thao tác kiểm tra bằng dung dịch chứng.
Que thử có được sử dụng ngay sau khi lấy ra khỏi lọ chứa que thử không?	Lắp lại kiểm tra bằng dung dịch chứng với một que thử mới và một giọt dung dịch chứng mới lấy.
Que thử và dung dịch chứng có được bảo quản ở nơi khô thoáng không?	Lắp lại thao tác kiểm tra bằng dung dịch chứng với que thử hoặc dung dịch chứng được bảo quản đúng cách.
Bạn có thực hiện theo các hướng dẫn không?	Đọc kỹ chương Kiểm tra bằng dung dịch chứng và lắp lại thao tác kiểm tra bằng dung dịch chứng.
Bạn có chọn mức dung dịch chứng chính xác, tức là mức 1 hoặc 2, khi bạn tiến hành kiểm tra bằng dung dịch chứng không?	Nếu bạn chọn sai mức nồng độ dung dịch chứng, bạn vẫn có thể so sánh kết quả kiểm chứng với khoảng chỉ số của dung dịch chứng được in trên nhãn lọ chứa que thử.
Bạn vẫn không chắc chắn về vấn đề này?	Liên hệ Roche.

4 Cài đặt máy đo

Tổng quan

Bạn có thể điều chỉnh các cài đặt sau đây của máy đo theo sở thích cá nhân của bạn. Tham khảo các phần sau trong chương này để biết thông tin chi tiết và cách thiết lập các lựa chọn.

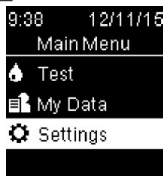
Cài đặt	Lựa chọn	Chức năng
Time/Date (Thời gian/ngày)	Time (Thời gian) / Date (Ngày)	Cài đặt thời gian và ngày.
Beeper (Tiếng bíp)	On (Bật) / Off (Tắt)	Chọn bật hoặc tắt.
Wireless (Không dây)	Lựa chọn cài đặt kết nối không dây. Tham khảo chương Kết nối không dây và ghép nối máy đo.	
Target Ranges (Các khoảng chỉ số mục tiêu)	Off (Tắt) / Single Range (Khoảng chỉ số mục tiêu duy nhất) / 2 Ranges (2 khoảng chỉ số mục tiêu)	Chọn khoảng chỉ số đường huyết mục tiêu phù hợp với bạn. LƯU Ý Tham khảo ý kiến nhân viên y tế để biết khoảng chỉ số mục tiêu phù hợp với bạn.
	70–180 mg/dL (khoảng chỉ số mục tiêu được cài đặt sẵn) 3,9–10,0 mmol/L (khoảng chỉ số mục tiêu được cài đặt sẵn)	Single Range (Khoảng chỉ số mục tiêu duy nhất) – kết quả đường huyết được đánh dấu là cao hơn, trong hoặc thấp hơn khoảng chỉ số mục tiêu duy nhất đã cài đặt trong máy đo.
	Khoảng chỉ số Before Meal (Trước bữa ăn) 70–110 mg/dL (khoảng chỉ số mục tiêu được cài đặt sẵn) 3,9–6,1 mmol/L (khoảng chỉ số mục tiêu được cài đặt sẵn) Khoảng chỉ số After Meal (Sau bữa ăn) 70–180 mg/dL (khoảng chỉ số mục tiêu được cài đặt sẵn) 3,9–10,0 mmol/L (khoảng chỉ số mục tiêu được cài đặt sẵn)	2 Ranges (2 khoảng chỉ số mục tiêu) – các khoảng chỉ số Before Meal (Trước bữa ăn) và After Meal (Sau bữa ăn) đã cài đặt sẵn. Các kết quả đường huyết được đánh dấu là cao hơn, trong hoặc thấp hơn 2 khoảng chỉ số mục tiêu (trước bữa ăn và sau bữa ăn) đã cài đặt trong máy đo.
Patterns (Xu hướng)	On (Bật) / Off (Tắt)	On (Bật) – máy đo có thể xác định xu hướng khi thu thập được 2 kết quả đo thấp hơn mục tiêu hoặc 3 kết quả đo cao hơn mục tiêu có cùng bình luận trong vòng 7 ngày.

4 Cài đặt máy đo

Cài đặt	Lựa chọn	Chức năng
Reminders (Nhắc nhở)	On (Bật) / Off (Tắt) / Edit time (Chỉnh thời gian)	On (Bật) - cài đặt tối đa 4 nhắc nhở mỗi ngày để nhắc nhở bạn đo.
Post Meal (Sau bữa ăn)	On (Bật) / Off (Tắt) / Edit time (Chỉnh thời gian)	On (Bật) - nhắc nhở bạn đo đường huyết sau bữa ăn.
Last Result (Kết quả gần nhất)	On (Bật) / Off (Tắt)	Chọn kết quả đường huyết trước đó (trong vòng 24 giờ qua) hiển thị cùng kết quả đường huyết hiện tại. On (Bật) - kết quả đường huyết trước đó hiển thị cùng kết quả đường huyết hiện tại. Off (Tắt) - chỉ hiển thị kết quả đường huyết hiện tại.
Language (Ngôn ngữ)		Chọn ngôn ngữ cho máy đo.
Time Format (Định dạng thời gian)	12 hour (12 giờ) / 24 hour (24 giờ)	Chọn định dạng đồng hồ cho máy đo.

Thời gian/ngày

1



Bật máy đo bằng cách ấn nhanh vào **OK**. Từ **Main Menu** (Menu chính), ấn **OK** để chọn **Settings** (Cài đặt). Ấn **OK**.

2



Time/Date (Thời gian/ngày) sẽ được chọn. Ấn **OK**.

3



Ấn **OK** hoặc **OK** để điều chỉnh từng trường. Ấn **OK** để xác nhận và di chuyển đến trường tiếp theo. Cài đặt **am** (sáng) hoặc **pm** (chiều) nếu cần thiết.
Ấn **OK** để lưu và quay lại menu trước đó.

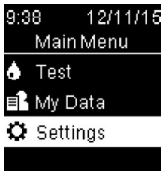
Tiếng bíp

Tiếng bíp sẽ nhắc bạn:

- khi lắp que thử.
- để nhỏ máu hoặc dung dịch chứng vào que thử.
- khi có đủ máu hoặc dung dịch chứng vào que thử.
- khi hoàn tất đo đường huyết hoặc kiểm tra bằng dung dịch chứng.
- khi máy đo bật.
- khi ấn nút.
- khi đã đến giờ đo (nếu Reminders (Nhắc nhở) hoặc nhắc nhở Post Meal (Sau bữa ăn) được **On** (Bật)).
- khi lắp pin.
- khi không có kết quả đường huyết nào được lưu hoặc có hồ sơ không hợp lệ trong nhật ký.
- khi không có lỗi nào trong bản ghi lỗi.
- nếu xảy ra lỗi (thậm chí khi tắt tiếng bíp, thì vẫn có thể xuất hiện tiếng bíp khi có lỗi).

4 Cài đặt máy đo

1



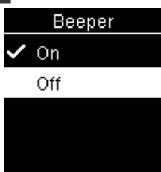
Bật máy đo bằng cách ấn nhanh vào **OK**. Từ **Main Menu** (Menu chính), ấn **▼** để chọn **Settings** (Cài đặt). Ấn **OK**.

2



Ấn **▼** để chọn **Beeper** (Tiếng bíp). Ấn **OK**.

3



Ấn **▼** hoặc **▲** để chọn **On** (Bật) hoặc **Off** (Tắt). Ấn **OK** để di chuyển **✓** tới lựa chọn. Ấn **OK** để xác nhận lựa chọn và quay lại menu trước đó.

Single Range (Khoảng chỉ số mục tiêu duy nhất)	Cài đặt giới hạn dưới và giới hạn trên cho khoảng chỉ số mục tiêu. Bạn sẽ được nhắc bật Patterns (Xu hướng) nếu muốn (xem phần Xu hướng trong chương này để biết thêm chi tiết).
2 Ranges (2 khoảng chỉ số mục tiêu)	Cài đặt giới hạn dưới và giới hạn trên cho các khoảng chỉ số mục tiêu Before Meal (Trước bữa ăn) và After Meal (Sau bữa ăn). Bạn phải đánh dấu kết quả đường huyết của mình bằng bình luận để máy đo có thể phát hiện ra các kết quả đo cao hơn, trong hay thấp hơn khoảng Before Meal (Trước bữa ăn) hoặc After Meal (Sau bữa ăn) (xem phần Thêm bình luận vào kết quả đường huyết để biết thêm chi tiết). Bạn sẽ được nhắc bật Patterns (Xu hướng) nếu muốn (xem phần Xu hướng trong chương này để biết thêm chi tiết).

Các khoảng chỉ số mục tiêu

Nhân viên y tế của bạn có thể cho bạn biết khoảng chỉ số đường huyết phù hợp với bạn. Điều vô cùng quan trọng là đường huyết phải nằm trong khoảng chỉ số mục tiêu.

Có thể cài đặt Target Ranges (Các khoảng chỉ số mục tiêu) từ giới hạn dưới 60–100 mg/dL (3,3–5,5 mmol/L) đến giới hạn trên 101–300 mg/dL (5,6–16,6 mmol/L).

Lựa chọn	Chức năng
Off (Tắt)	Các biểu tượng mũi tên cho biết giá trị cao hơn, trong hay thấp hơn các khoảng chỉ số mục tiêu sẽ không xuất hiện kèm theo kết quả đường huyết.

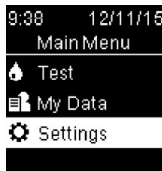
Khi Target Ranges (Các khoảng chỉ số mục tiêu) được bật, các biểu tượng sau sẽ xuất hiện cùng kết quả đường huyết.

Biểu tượng	Ý nghĩa
	Kết quả đường huyết thấp hơn khoảng chỉ số mục tiêu.
	Kết quả đường huyết nằm trong khoảng chỉ số mục tiêu.
	Kết quả đường huyết cao hơn khoảng chỉ số mục tiêu.
LƯU Ý	

Chức năng này không thay thế việc nhân viên y tế của bạn hướng dẫn xử trí hạ đường huyết.

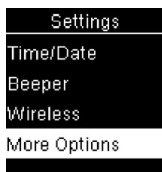
4 Cài đặt máy đo

1



Bật máy đo bằng cách ấn nhanh vào **OK**. Từ **Main Menu** (Menu chính), ấn **▼** để chọn **Settings** (Cài đặt). Ấn **OK**.

2



Ấn **▼** để chọn **More Options** (Thêm lựa chọn). Ấn **OK**.

3



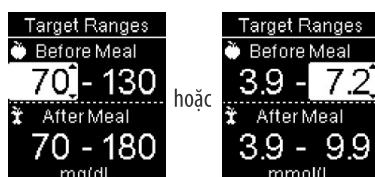
Target Ranges (Các khoảng chỉ số mục tiêu) đã được chọn. Ấn **OK**.

4



Ấn **▼** hoặc **▲** để chọn **Off** (Tắt), **Single Range** (Khoảng chỉ số mục tiêu duy nhất) hoặc **2 Ranges** (2 khoảng chỉ số mục tiêu). Ấn **OK** để xác nhận một lựa chọn (ví dụ ở đây là **2 Ranges** (2 khoảng chỉ số mục tiêu)).

5



Ấn **▼** hoặc **▲** để điều chỉnh giới hạn dưới của khoảng chỉ số mục tiêu **Before Meal** (Trước bữa ăn). Ấn **OK** để xác nhận và di chuyển đến trường tiếp theo.

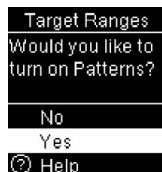
Tiếp tục cài đặt giới hạn trên của khoảng chỉ số mục tiêu **Before Meal** (Trước bữa ăn), cũng như giới hạn trên và dưới của khoảng chỉ số mục tiêu **After Meal** (Sau bữa ăn). Ấn **OK**.

6



Dấu **✓** sẽ xuất hiện bên cạnh lựa chọn bạn đã chọn.

Ấn **↶** để quay lại menu trước đó.



Máy đo có thể nhắc bạn bật Patterns (Xu hướng).

Ấn **▼** hoặc **▲** để chọn **Yes** (Có) hoặc **No** (Không).

Ấn **OK** để xác nhận lựa chọn và quay lại menu trước đó (xem phần Xu hướng của chương này để biết thêm chi tiết).

4 Cài đặt máy đo

LƯU Ý

Việc phân tích kết quả đường huyết được lưu trong máy đo là một cách hữu hiệu giúp bạn và nhân viên y tế xác định được hiệu quả của việc kiểm soát đái tháo đường. Phân tích này là một công cụ rất hữu ích giúp cải thiện việc kiểm soát bệnh đái tháo đường. Phải thật cẩn thận khi thêm bình luận vào kết quả đường huyết. Các bình luận sai có thể dẫn đến máy đo xác định xu hướng không chính xác nếu Patterns (Xu hướng) được **On** (Bật).

Xu hướng

Máy đo có thể xác định một xu hướng khi thu thập được 2 kết quả đo thấp hơn mục tiêu (Low Pattern (Xu hướng thấp)) hoặc 3 kết quả đo cao hơn mục tiêu (High Pattern (Xu hướng cao)) có cùng bình luận trong vòng 7 ngày.

- Máy đo sẽ **KHÔNG** phát hiện được xu hướng của các bình luận “other” (khác) được thêm vào kết quả đường huyết.
- Điều rất quan trọng là phải cài đặt đúng thời gian và ngày trong máy đo. Việc cài đặt chính xác thời gian và ngày sẽ giúp bạn và nhân viên y tế diễn giải chính xác thông tin.
- Chỉ các kết quả đường huyết có bình luận mới được sử dụng để xác định Patterns (Xu hướng). Nếu kết quả đo là LO hoặc HI có kèm bình luận, thì những kết quả đo đó sẽ là một phần của Patterns (Xu hướng) (xem chương Đo đường huyết để biết thêm chi tiết).
- Phải cài đặt Target Ranges (Các khoảng chỉ số mục tiêu) trong máy đo để sử dụng Patterns (Xu hướng). Nếu không cài đặt Target Ranges (Các khoảng chỉ số mục tiêu), máy đo sẽ nhắc bạn.

1

9:38 12/11/15
Main Menu
Test
My Data
Settings

Bật máy đo bằng cách ấn nhanh vào **OK**. Từ **Main Menu** (Menu chính), ấn **▼** để chọn **Settings** (Cài đặt). Ấn **OK**.

2

Settings
Time/Date
Beeper
Wireless
More Options

Ấn **▼** để chọn **More Options** (Thêm lựa chọn). Ấn **OK**.

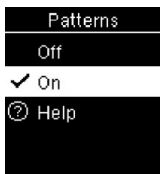
3

More Options
Target Ranges
Patterns
Reminders
Post Meal
▼

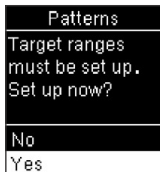
Ấn **▼** để chọn **Patterns** (Xu hướng). Ấn **OK**.

4 Cài đặt máy đo

4



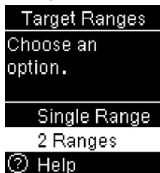
Ấn để chọn **On** (Bật).
Ấn để di chuyển tới lựa chọn. Ấn .



Thông báo này sẽ xuất hiện nếu Target Ranges (Các khoảng chỉ số mục tiêu) Off (Tắt):

Ấn để chọn **Yes** (Có).
Ấn .

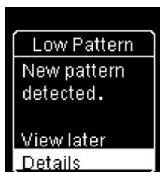
(Để **Off** (Tắt) Patterns (Xu hướng), chọn **No** (Không). Ấn để quay lại **Patterns** (Xu hướng).)



Target Ranges

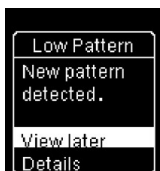
(Các khoảng chỉ số mục tiêu) sẽ xuất hiện trên màn hình (xem phần Các khoảng chỉ số mục tiêu của chương này để biết thông tin chi tiết về cách cài đặt khoảng chỉ số mục tiêu).

Nếu Patterns (Xu hướng) **On** (Bật) và máy đo xác định được xu hướng mới dựa trên kết quả đường huyết, thì sẽ có thông báo hiển thị trên màn hình.



Ấn để chọn **Details** (Chi tiết) để xem kết quả đường huyết tạo nên xu hướng đó.

hoặc



Ấn để chọn **View later** (Xem sau).

Ấn để quay lại màn hình trước.

Các nhắc nhở

Bạn có thể cài đặt tối đa 4 nhắc nhở đo chung mỗi ngày để nhắc bạn đo. Sẽ có một loạt tiếng bíp và hình ảnh hiển thị trên màn hình để cài đặt nhắc nhở trong máy đo.

Nhắc nhở:

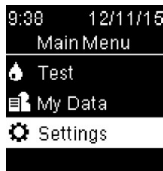
- sẽ tắt khi lắp que thử hoặc ấn nút bắt kỳ.
- sẽ tạm dừng cho đến chế độ báo nhắc nhở đo tiếp theo nếu thao tác đo được thực hiện trong vòng 15 phút của một chế độ báo nhắc nhở đo.
- không xuất hiện/bíp nếu máy đo bật trong khoảng thời gian của một chế độ báo nhắc nhở đo (bao gồm cả khi máy đo được nối với cáp USB).
- không xuất hiện/bíp nếu máy đo kết nối với giao tiếp với trình quản lý Continua Certified®.
- không bíp nếu ở chế độ tắt tiếng.
- không xuất hiện/bíp nếu cần thay pin.

Cài đặt nhắc nhở

- Thời gian nhắc nhở được cài đặt sẵn trong máy đo là 8 giờ, 12 giờ, 18 giờ và 22 giờ. Bạn có thể thay đổi thời gian nhắc nhở bằng cách thực hiện theo hướng dẫn dưới đây.
- Nếu chế độ báo nhắc nhở đo chung được cài đặt cùng lúc với nhắc nhở Post Meal (Sau bữa ăn) thì nhắc nhở Post Meal (Sau bữa ăn) sẽ xuất hiện/bíp thay vì nhắc nhở chung (xem phần Nhắc nhở sau bữa ăn của chương này để biết thêm chi tiết).

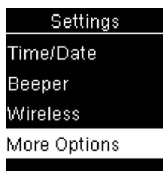
4 Cài đặt máy đo

1



Bật máy đo bằng cách ấn nhanh vào **OK**. Từ **Main Menu** (Menu chính), ấn **▼** để chọn **Settings** (Cài đặt). Ấn **OK**.

2



Ấn **▼** để chọn **More Options** (Thêm lựa chọn). Ấn **OK**.

3



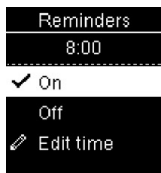
Ấn **▼** hoặc **▲** để chọn **Reminders** (Nhắc nhở). Ấn **OK**.

4

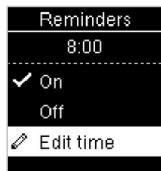


Các thời gian nhắc nhở cài đặt sẵn sẽ xuất hiện trên màn hình. Ấn **▼** để chọn một thời gian nhắc nhở. Ấn **OK**.

5



Các thời gian nhắc nhở cài đặt sẵn sẽ xuất hiện. Ấn **▼** hoặc **▲** để chọn **On** (Bật) hoặc **Off** (Tắt). Ấn **OK** để di chuyển **✓** tới lựa chọn.

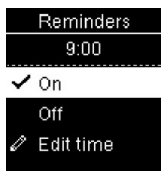


Để thay đổi thời gian nhắc nhở được hiển thị:
Ấn **▼** để chọn **Edit time** (Chỉnh thời gian). Ấn **OK**.



Ấn **▼** hoặc **▲** để điều chỉnh từng trường. Ấn **OK** để di chuyển sang trường tiếp theo. Ấn **OK** để quay lại menu trước đó.

6



Một dấu **✓** sẽ cho biết nhắc nhở đã được cài đặt theo thời gian hiển thị và tự động chuyển về chế độ **On** (Bật). Để tắt nhắc nhở, ấn **▼** để chọn **Off** (Tắt).

Ấn **OK** để quay lại **Reminders** (Nhắc nhở).

7



Thời gian nhắc nhở đã xuất hiện.
Ấn **▼** để tiếp tục cài đặt thêm nhắc nhở hoặc ấn **◀** để quay lại **More Options** (Thêm lựa chọn).

4 Cài đặt máy đo

Nhắc nhở sau bữa ăn

Bạn có thể cài đặt nhắc nhở sau bữa ăn để nhắc bạn đo lại sau khi bạn thêm bình luận trước bữa ăn vào kết quả đường huyết. Khi có nhắc nhở, máy đo sẽ phát ra một loạt tiếng bip và hiển thị .

Nhắc nhở sau bữa ăn:

- sẽ tắt khi lắp que thử hoặc ấn nút bất kỳ.
- sẽ tạm dừng cho đến chế độ báo nhắc nhở đo tiếp theo nếu thao tác đo được thực hiện trong vòng 15 phút của một chế độ báo nhắc nhở đo.
- không xuất hiện/bíp nếu máy đo bật trong khoảng thời gian của một chế độ báo nhắc nhở đo (bao gồm cả khi máy đo được nối với cáp USB).
- không xuất hiện/bíp nếu máy đo kết nối với giao tiếp với trình quản lý Continua Certified®.
- không bíp nếu ở chế độ tắt tiếng.
- không xuất hiện/bíp nếu cần thay pin.

Cài đặt nhắc nhở sau bữa ăn

- Việc thêm bình luận Before meal (Trước bữa ăn) vào kết quả đường huyết sẽ giúp cài đặt nhắc nhở Post Meal (Sau bữa ăn) trong máy đo.
- Việc đánh dấu kết quả đường huyết bằng bình luận After meal (Sau bữa ăn) sẽ cung cấp thêm thông tin về kết quả đo của bạn nhằm giúp bạn và nhân viên y tế kiểm soát bệnh đái tháo đường.
- Hãy trao đổi với nhân viên y tế của bạn để quyết định thời gian đo sau bữa ăn.
- Chọn 1 giờ; 1,5 giờ hoặc 2 giờ để báo nhắc nhở Post Meal (Sau bữa ăn).

1

9:38 12/11/15
Main Menu
Test
My Data
Settings

Bật máy đo bằng cách ấn nhanh vào **OK**. Từ **Main Menu** (Menu chính), ấn **▼** để chọn **Settings** (Cài đặt). Ấn **OK**.

2

Settings
Time/Date
Beeper
Wireless
More Options

Ấn **▼** để chọn **More Options** (Thêm lựa chọn). Ấn **OK**.

3

More Options
Target Ranges
Patterns
Reminders
Post Meal

Ấn **▼** để chọn **Post Meal** (Sau bữa ăn). Ấn **OK**.

4

Post Meal
✓ On
Off
Edit time
Help

Ấn **▼** hoặc **▲** để chọn **On** (Bật). Ấn **OK** để di chuyển **✓** tới lựa chọn.

5

Post Meal
✓ On
Off
Edit time
Help

Ấn **▼** để chọn **Edit time** (Chỉnh thời gian). Ấn **OK**.

4 Cài đặt máy đo

6



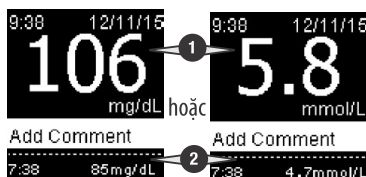
Ấn hoặc để chọn **1 hour** (1 giờ), **1.5 hours** (1,5 giờ) hoặc **2 hours** (2 giờ) sau khi ăn sẽ báo nhắc nhở **Post Meal** (Sau bữa ăn).

Ấn để di chuyển tới lựa chọn.

Ấn để xác nhận và quay lại menu trước đó.

Kết quả gần nhất

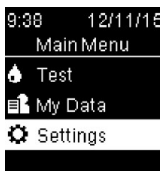
Chọn xem kết quả đường huyết trước đó có xuất hiện cùng kết quả đường huyết hiện tại không. **Kết quả đo lâu hơn 24 giờ sẽ không xuất hiện.**



Off (Tắt) – chỉ xuất hiện kết quả đường huyết hiện tại .

On (Bật) – kết quả đường huyết trước đó sẽ xuất hiện cùng với kết quả đường huyết hiện tại.

1



Bật máy đo bằng cách ấn nhanh vào . Từ **Main Menu** (Menu chính), ấn để chọn **Settings** (Cài đặt). Ấn .

2



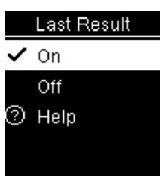
Ấn để chọn **More Options** (Thêm lựa chọn). Ấn .

3



Ấn để chọn **Last Result** (Kết quả gần nhất). Ấn .

4



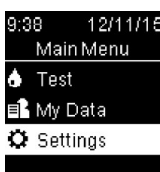
Ấn hoặc để chọn **On** (Bật) hoặc **Off** (Tắt). Ấn để di chuyển tới lựa chọn.

Ấn để xác nhận lựa chọn và quay lại menu trước đó.

Ngôn ngữ

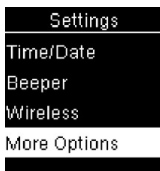
Chọn ngôn ngữ sẽ xuất hiện trên máy đo.

1



Bật máy đo bằng cách ấn nhanh vào . Từ **Main Menu** (Menu chính), ấn để chọn **Settings** (Cài đặt). Ấn .

2



Ấn để chọn **More Options** (Thêm lựa chọn). Ấn .

3



Ấn để chọn **Language** (Ngôn ngữ). Ấn .

4 Cài đặt máy đo

4

Language

✓ English

简体中文

繁體中文

Dansk

↕

Ấn ▼ hoặc ▲ để chọn ngôn ngữ mong muốn. Ấn **OK** để di chuyển ✓ tới lựa chọn. Ấn **OK** để xác nhận lựa chọn ngôn ngữ và quay lại menu trước đó.

4

Time Format

✓ 12 hour

24 hour

Ấn ▼ hoặc ▲ để chọn **12 hour** (12 giờ) (sáng/chiều) hoặc **24 hour** (24 giờ). Ấn **OK** để di chuyển ✓ tới lựa chọn. Ấn **OK** để xác nhận định dạng thời gian và quay lại menu trước đó.

Định dạng thời gian

Chọn định dạng thời gian (định dạng đồng hồ 12 giờ hoặc 24 giờ) sẽ xuất hiện trên máy đo.

1

9:38 12/11/15

Main Menu

🔥 Test

📄 My Data

⚙️ Settings

Ấn máy đo bằng cách ấn nhanh vào **OK**. Từ **Main Menu** (Menu chính), ấn ▼ để chọn **Settings** (Cài đặt). Ấn **OK**.

2

Settings

Time/Date

Beeper

Wireless

More Options

Ấn ▼ để chọn **More Options** (Thêm lựa chọn). Ấn **OK**.

3

More Options

Post Meal

Last Result

Language

Time Format

▲

Ấn ▼ để chọn **Time Format** (Định dạng thời gian). Ấn **OK**.

5 Xem dữ liệu của bạn

Tổng quan

- Kết quả đường huyết được lưu theo thứ tự từ mới nhất đến cũ nhất.
- Máy đo sẽ tự động lưu tối đa 720 kết quả đường huyết trong bộ nhớ kèm theo thời gian và ngày của lần đo cũng như bất kỳ bình luận kết quả đo nào.
- Khi đã có 720 kết quả đường huyết lưu trong bộ nhớ, thì việc thêm một kết quả đường huyết mới sẽ xóa đi kết quả đường huyết cũ nhất.
- Chỉ những kết quả đo được đánh dấu với bình luận khi đói, trước bữa ăn, sau bữa ăn hoặc giờ đi ngủ sẽ được sử dụng để xác định giá trị trung bình cho bình luận đó.
- Mọi kết quả đo sẽ được sử dụng để tính trung bình toàn bộ 7, 14, 30 và 90 ngày bất kể bình luận được thêm vào là gì.
- Kết quả kiểm chứng được lưu trong bộ nhớ nhưng không thể xem lại trên máy đo. Để xem kết quả kiểm chứng đã lưu, hãy truyền tải dữ liệu đó vào một ứng dụng phần mềm tương thích.
- Các kết quả kiểm chứng này không được sử dụng để tính giá trị trung bình hoặc báo cáo đường huyết.
- Khi đã có 32 kết quả kiểm chứng lưu trong bộ nhớ, thì việc thêm một kết quả kiểm chứng mới sẽ xóa đi kết quả kiểm chứng cũ nhất.

CẢNH BÁO

Nguy cơ xảy ra sự cố nghiêm trọng đối với sức khỏe

Sử dụng kết quả đo riêng lẻ trong bộ nhớ để thay đổi phương pháp điều trị của bạn có thể dẫn đến việc điều chỉnh phương pháp điều trị không phù hợp. Không thay đổi phương pháp điều trị dựa trên từng kết quả đo trong bộ nhớ. Tham khảo ý kiến của nhân viên y tế trước khi thay đổi phương pháp điều trị dựa trên kết quả đo trong bộ nhớ.

LƯU Ý

Máy đo có khả năng tự động đồng bộ thời gian và ngày khi được ghép nối với thiết bị di động mà sẽ tự động cập nhật thời gian và ngày của máy đo. Ngay cả khi bạn sử dụng máy đo của mình trong nhiều múi giờ, kết quả đo sẽ được lưu trữ từ mới nhất đến cũ nhất và không theo thứ tự thời gian và ngày.

Nhật ký

1

9:38 12/11/15
Main Menu
Test
My Data
Settings

Bật máy đo bằng cách ấn nhanh vào **OK**. Từ **Main Menu** (Menu chính), ấn **OK** để chọn **My Data** (Dữ liệu của tôi). Ấn **OK**.

2

My Data
Logbook
Averages
Target %
Low/High Data

Logbook (Nhật ký) sẽ được chọn. Ấn **OK**.

3

Logbook			Logbook		
12/11/15	mg/dL		12/11/15	mmol/L	
14:30	145	1	14:30	8.0	
11:30	65	2	11:30	3.6	
9:38	106		9:38	5.8	
7:38	85		7:38	4.7	

Ấn **OK** hoặc **Left Arrow** để kéo đến các lựa chọn trong **Logbook** (Nhật ký).

Kết quả đo mới nhất ①.

Kết quả đo mới thứ hai ②.

5 Xem dữ liệu của bạn

4

Để xem chi tiết về kết quả đo, ấn hoặc để chọn kết quả đo. Ấn . Chi tiết kết quả đo được hiển thị bên dưới chỉ xuất hiện nếu **Target Ranges** (Các khoảng chỉ số mục tiêu) được bật hoặc các bình luận được thêm vào kết quả đo.

Kết quả đo mới nhất



hoặc



Kết quả đo mới thứ hai

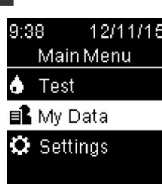


hoặc



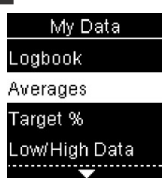
Giá trị trung bình

1



Bật máy đo bằng cách ấn nhanh vào . Từ **Main Menu** (Menu chính), ấn để chọn **My Data** (Dữ liệu của tôi). Ấn .

2



Ấn để chọn **Averages** (Giá trị trung bình). Ấn .

3



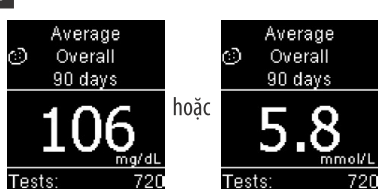
Ấn để chọn mục (ví dụ ở đây là **Overall** (Toàn bộ)). Ấn .

4

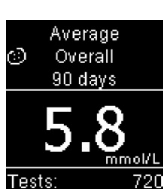


Ấn để chọn khoảng thời gian (ví dụ ở đây là **90 days** (90 ngày)). Ấn .

5



hoặc



Ấn để quay lại menu trước đó nếu bạn muốn xem khoảng thời gian khác HOẶC ấn hoặc để di chuyển qua các giá trị trung bình khác.

Phần trăm mục tiêu (%)

Target Percent (% mục tiêu) cho phép bạn xem phần trăm kết quả đường huyết Overall (Toàn bộ), Before meal (Trước bữa ăn), After meal (Sau bữa ăn), Fasting (Khi đói) và Bedtime (Giờ đi ngủ) cao hơn, trong hoặc thấp hơn khoảng chỉ số mục tiêu của bạn.

- Có thể xem % kết quả so với mục tiêu trong 7, 14, 30 hoặc 90 ngày.
- Phải cài đặt Target Ranges (Các khoảng chỉ số mục tiêu) trong máy đo để xem Target % (% mục tiêu) kết quả so với mục tiêu.

5 Xem dữ liệu của bạn

1

9:38 12/11/15
Main Menu
Test
My Data
Settings

Bật máy đo bằng cách ấn nhanh vào **OK**. Từ **Main Menu** (Menu chính), ấn **OK** để chọn **My Data** (Dữ liệu của tôi). Ấn **OK**.

2

My Data
Logbook
Averages
Target %
Low/High Data

Ấn **OK** để chọn **Target %** (% mục tiêu). Ấn **OK**.

3

Target %
Overall
Before meal
After meal
Fasting

Ấn **OK** để chọn một mục (ví dụ ở đây là **Before meal** (Trước bữa ăn)). Ấn **OK** để xác nhận lựa chọn đó.

4

Target %
Before meal
7 days
14 days
30 days
90 days

Ấn **OK** để chọn khoảng thời gian (ví dụ ở đây là **90 days** (90 ngày)). Ấn **OK**.

5

Target %
Before meal
90 days
↑ Above 15%
↓ Within 60%
↓ Below 25%
Tests: 720

Bảng **Target %** (% mục tiêu) sẽ xuất hiện (ví dụ ở đây là **Before meal** (Trước bữa ăn)). Tổng số lần đo được tính trong bảng **Target %** (% mục tiêu) sẽ xuất hiện ở phần dưới cùng của màn hình.

Ấn **OK** để quay lại menu trước đó.

LƯU Ý

Việc phân tích kết quả đường huyết được lưu trong máy đo là một cách hữu hiệu giúp bạn và nhân viên y tế xác định được hiệu quả của việc kiểm soát đái tháo đường. Phân tích này là một công cụ rất hữu ích giúp cải thiện việc kiểm soát bệnh đái tháo đường. Phải thật cẩn thận khi thêm bình luận vào kết quả đường huyết. Các bình luận sai có thể dẫn đến máy đo xác định xu hướng không chính xác nếu Patterns (Xu hướng) được **On** (Bật).

Dữ liệu cao/thấp

Nhân viên y tế của bạn có thể cho bạn biết khoảng chỉ số đường huyết phù hợp với bạn. Điều vô cùng quan trọng là phải duy trì đường huyết trong khoảng chỉ số mục tiêu.

- Phải cài đặt **Target Ranges** (Các khoảng chỉ số mục tiêu) trong máy đo để theo dõi kết quả đo cho **Low/High Data** (Dữ liệu cao/thấp) (xem phần Các khoảng chỉ số mục tiêu trong chương Cài đặt máy đo để biết chi tiết).
- **Low BG Data** (Dữ liệu đường huyết thấp) hoặc **High BG Data** (Dữ liệu đường huyết cao) chỉ bao gồm các kết quả đo cao hơn hoặc thấp hơn các khoảng chỉ số mục tiêu cài đặt trong máy đo.
- **Low BG Data** (Dữ liệu đường huyết thấp) hoặc **High BG Data** (Dữ liệu đường huyết cao) sẽ được theo dõi trong máy đo trong 30 ngày.

5 Xem dữ liệu của bạn

Bạn có thể chọn kết quả đo Low BG (Đường huyết thấp) và High BG (Đường huyết cao) đối với kết quả đường huyết Overall (Toàn bộ), Before meal (Trước bữa ăn), After meal (Sau bữa ăn), Fasting (Khi đói) hay Bedtime (Giờ đi ngủ).

Biểu tượng	Tên	Mô tả
	Overall (Toàn bộ)	Bao gồm các kết quả đường huyết cao và thấp dựa trên Target Ranges (Các khoảng chỉ số mục tiêu) đã cài đặt trong máy đo.
	Before meal (Trước bữa ăn)	Bạn có thể xem các kết quả đo cao hoặc thấp đánh dấu bằng bình luận Before meal (Trước bữa ăn) để xem kết quả đường huyết Overall (Toàn bộ), Before breakfast (Trước bữa sáng), Before lunch (Trước bữa trưa), Before dinner (Trước bữa tối) và Before snack (Trước ăn nhẹ).*
	After meal (Sau bữa ăn)	Bạn có thể xem các kết quả đo cao hoặc thấp đánh dấu bằng bình luận After meal (Sau bữa ăn) để xem kết quả đường huyết Overall (Toàn bộ), After breakfast (Sau bữa sáng), After lunch (Sau bữa trưa), After dinner (Sau bữa tối) và After snack (Sau ăn nhẹ).*
	Fasting (Khi đói)	Bao gồm kết quả đường huyết khi đói cao hoặc thấp được đánh dấu là Fasting (Khi đói) trong phần bình luận.
	Bedtime (Giờ đi ngủ)	Bao gồm kết quả đường huyết giờ đi ngủ cao hoặc thấp được đánh dấu là Bedtime (Giờ đi ngủ) trong phần bình luận.

*Kết quả đo trước và sau các bữa ăn cụ thể sẽ chỉ có nếu Patterns (Xu hướng) được **On** (Bật).

1

9:30 12/11/15

Main Menu

Test

My Data

Settings

Bật máy đo bằng cách ấn nhanh vào **OK**. Từ **Main Menu** (Menu chính), ấn **My Data** để chọn **My Data** (Dữ liệu của tôi). Ấn **OK**.

2

My Data

Logbook

Averages

Target %

Low/High Data

Ấn **My Data** để chọn **Low/High Data** (Dữ liệu thấp/cao). Ấn **OK**.

3

Low/High Data

Low BG Data

High BG Data

Nếu Target Ranges (Các khoảng chỉ số mục tiêu) đã bật:

Ấn **Low BG Data** (Dữ liệu đường huyết thấp) hoặc **High BG Data** (Dữ liệu đường huyết cao) (ví dụ ở đây là **High BG Data** (Dữ liệu đường huyết cao)). Ấn **OK**.

hoặc

Nếu Target Ranges (Các khoảng chỉ số mục tiêu) CHƯA bật trong vòng 30 ngày gần nhất:

Máy đo sẽ xuất hiện thông báo này (để bật Target Ranges (Các khoảng chỉ số mục tiêu), xem phần Các khoảng chỉ số mục tiêu trong chương Cài đặt máy đo để biết thêm chi tiết).

5 Xem dữ liệu của bạn

4



Ấn để chọn một mục (ví dụ ở đây là **Before meal** (Trước bữa ăn)).

Ấn .



Nếu kết quả đo kèm theo bình luận bữa ăn chi tiết được lưu trong Logbook (Nhật ký):

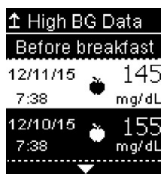
Máy đo sẽ nhắc bạn lựa chọn các mục chi tiết để

xem. Ấn để chọn một mục (ví dụ ở đây là before **Breakfast** (trước Bữa sáng)). Ấn .

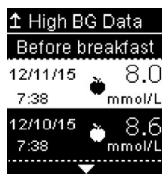
Xu hướng

- Phần Patterns (Xu hướng) sẽ chỉ hiển thị Low Patterns (Xu hướng thấp) hoặc High Patterns (Xu hướng cao) đang có dựa trên các bình luận được thêm vào kết quả đường huyết trong vòng 7 ngày gần nhất.
- Xu hướng sẽ được tạo khi thu thập được 2 kết quả đo thấp hơn mục tiêu hoặc 3 kết quả đo cao hơn mục tiêu có cùng bình luận trong vòng 7 ngày.

5



hoặc



Dữ liệu được chọn sẽ xuất hiện (ví dụ ở đây là **High BG Data** (Dữ liệu đường huyết cao)). Ấn để kéo xuống các kết quả đo.

Ấn để quay lại menu trước đó.

LƯU Ý

Việc phân tích kết quả đường huyết được lưu trong máy đo là một cách hữu hiệu giúp bạn và nhân viên y tế xác định được hiệu quả của việc kiểm soát đái tháo đường. Phân tích này là một công cụ rất hữu ích giúp cải thiện việc kiểm soát bệnh đái tháo đường. Phải thật cẩn thận khi thêm bình luận vào kết quả đường huyết. Các bình luận sai có thể dẫn đến máy đo xác định xu hướng không chính xác nếu Patterns (Xu hướng) được **On** (Bật).

5 Xem dữ liệu của bạn

Có thể xem các xu hướng trên máy đo theo 3 cách:

9:38 12/11/15
Main Menu

🔥 Test

📊 My Data

⚙️ Settings

Patterns

khi lựa chọn Patterns (Xu hướng) được hiển thị ở phần dưới cùng của **Main Menu** (Menu chính).

hoặc

9:38 12/11/15
Main Menu

🔥 Test

My Data

⚙️ Settings

từ **My Data** (Dữ liệu của tôi) trên **Main Menu** (Menu chính).

hoặc

Low Pattern

New pattern detected.

View later

Details

nếu xuất hiện thông báo **New pattern detected** (Đã phát hiện xu hướng mới) trên màn hình khi đang tiến hành đo đường huyết.

Các xu hướng mà máy đo phát hiện thấy sẽ được hiển thị trên Main Menu (Menu chính) dưới dạng:

Patterns (Xu hướng)	Các xu hướng cao và thấp đã được phát hiện	Các xu hướng có thể bao gồm những kết quả đường huyết được đánh dấu kèm bình luận:
High Pattern(s) (Xu hướng cao)	Đã xác định được một hoặc nhiều xu hướng cao	Before breakfast (Trước bữa sáng), After breakfast (Sau ăn sáng), Before lunch (Trước bữa trưa), After lunch (Sau ăn trưa), Before dinner (Trước bữa tối), After dinner (Sau ăn tối), Before snack (Trước ăn nhẹ), After snack (Sau ăn nhẹ), Fasting (Khi đói) hay Bedtime (Giờ đi ngủ) (xem phần Thêm bình luận vào kết quả đường huyết trong chương Đo đường huyết).
Low Pattern(s) (Xu hướng thấp)	Đã xác định được một hoặc nhiều xu hướng thấp	
No Patterns (Không có xu hướng)	Không xác định được xu hướng nào cho kết quả đo trong 7 ngày gần nhất	
Để trống	Tính năng Patterns (Xu hướng) được cài đặt là Off (Tắt)	

5 Xem dữ liệu của bạn

1

9:38 12/11/15
Main Menu
Test
My Data
Settings
Patterns

Bật máy đo bằng cách ấn nhanh vào **OK**. Từ **Main Menu** (Menu chính), hãy ấn **▼** để chọn **Patterns** (Xu hướng) ở phần dưới cùng màn hình (ví dụ ở đây là **Patterns** (Xu hướng)). Ấn **OK**.

2

Patterns
↓ Low Patterns
↑ High Patterns

Ấn **▼** hoặc **▲** để chọn **Low Patterns** (Xu hướng thấp) hoặc **High Patterns** (Xu hướng cao) (ví dụ ở đây là **Low Patterns** (Xu hướng thấp)). Ấn **OK** để xác nhận lựa chọn đó.

3

Low Patterns
Before breakfast
Before lunch
Before dinner
Before snack

Ấn **▼** để chọn một mục để xem (ví dụ ở đây là **Before breakfast** (Trước bữa sáng)). Ấn **OK**.

4

↓ Low Pattern
Before breakfast
12/11/15 85
7:38 mg/dL
12/10/15 84
7:38 mg/dL

↓ Low Pattern
Before breakfast
12/11/15 4.7
7:38 mmol/L
12/10/15 4.6
7:38 mmol/L

Ấn **▼** để kéo xuống các kết quả đo. Ấn **↶** để quay lại menu trước đó.

Truyền tải dữ liệu không dây

Tính năng này cho phép bạn truyền tải dữ liệu không dây từ máy đo sang thiết bị khác.

1

9:38 12/11/15
Main Menu
Test
My Data
Settings

Bật máy đo bằng cách ấn nhanh vào **OK**. Từ **Main Menu** (Menu chính), ấn **▼** để chọn **My Data** (Dữ liệu của tôi). Ấn **OK**.

2

My Data
Target %
Low/High Data
Patterns
Data Transfer

Ấn **▼** để chọn **Data Transfer** (Truyền tải dữ liệu). Ấn **OK**.

3

Data Transfer
USB Cable
Wireless
Help

Ấn **▼** để chọn **Wireless** (Không dây). Ấn **OK**.

5 Xem dữ liệu của bạn

4

Nếu thiết bị chưa được ghép nối với máy đo của bạn:

Pair Device
No paired device.
Pair now?

No

Yes

Máy đo sẽ nhắc bạn ghép nối thiết bị với máy đo (xem phần Ghép nối lần đầu trong chương Kết nối không dây và ghép nối máy đo để biết thêm chi

tiết).

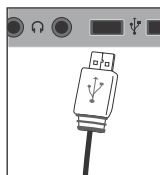
hoặc

Nếu máy đo đã ghép nối với ít nhất một thiết bị:

Choose Device
✓ Device1234
Device2345
Device3456
Device4567

Ấn  hoặc  để chọn thiết bị không dây để truyền tải dữ liệu.

2



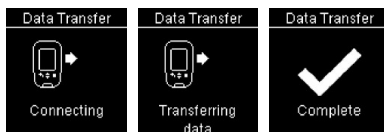
Cắm đầu to của cáp USB vào cổng USB trên Máy tính.

Nếu máy đo đang tắt, hãy bật lên.

3

Khởi động phần mềm kiểm soát bệnh đái tháo đường và bắt đầu truyền tải dữ liệu.

4



Máy đo sẽ truyền tải dữ liệu đó sang phần mềm.

5

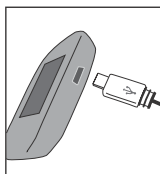


Máy đo sẽ truyền tải dữ liệu đó sang thiết bị.

Truyền tải dữ liệu sử dụng cáp USB

Tính năng này cho phép bạn truyền tải dữ liệu từ máy đo sang phần mềm đặc biệt để kiểm soát bệnh đái tháo đường trên máy tính bằng cáp USB.

1



Cắm đầu nhỏ của cáp USB vào máy đo.

6 Kết nối không dây và ghép nối máy đo

Tổng quan

Bạn có thể tự động đồng bộ hóa bằng kết nối không dây đối với thông tin về bệnh đái tháo đường của mình với một thiết bị di động. Quá trình liên kết giữa máy đo và thiết bị khác được gọi là ghép nối. Bạn cần có một ứng dụng trên thiết bị di động sẽ nhận dữ liệu máy đo này.

Cài đặt	Lựa chọn	Chức năng
Flight Mode (Chế độ máy bay)	On (Bật) / Off (Tắt)	Chọn xem kết nối không dây có khả dụng hay không. On (Bật) - kết nối không dây không khả dụng. Off (Tắt) - kết nối không dây khả dụng.
Default Device (Thiết bị mặc định)	Danh sách các thiết bị đã ghép nối với máy đo	Nếu đã ghép nối với hơn 1 thiết bị, hãy chọn thiết bị có tính năng Auto-Send (Tự động gửi) và Sync Time (Đồng bộ hóa thời gian) để kết nối.
Auto-Send (Tự động gửi)	On (Bật) / Off (Tắt)	Chọn xem dữ liệu có được tự động gửi tới thiết bị đã ghép nối mặc định sau mỗi lần đo không. On (Bật) - dữ liệu tự động gửi tới thiết bị đã ghép nối mặc định. Off (Tắt) - dữ liệu không tự động gửi tới thiết bị đã ghép nối mặc định.
Sync Time (Đồng bộ hóa thời gian)	On (Bật) / Off (Tắt)	Chọn xem có đồng bộ hóa thời gian và ngày vào thiết bị đã ghép nối mặc định không. On (Bật) - thời gian và ngày trên máy đo sẽ đồng bộ với thời gian và ngày trên thiết bị đã ghép nối mặc định. Off (Tắt) - thời gian và ngày trên máy đo sẽ không đồng bộ với thời gian và ngày trên thiết bị đã ghép nối mặc định.
Pairing (Ghép nối)	Pair Device (Ghép nối thiết bị) / Delete Pairing (Xóa ghép nối)	Chọn ghép nối thiết bị hay xóa một thiết bị đã ghép nối.

6 Kết nối không dây và ghép nối máy đo

Ghép nối lần đầu

Các bước dưới đây áp dụng cho việc ghép nối lần đầu.

Máy đo có thể ghép nối với tối đa 5 thiết bị vào bất kỳ thời điểm nào.

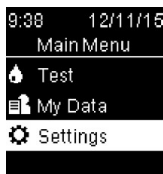
Phải ghép nối từng thiết bị với máy đo trong một lần ghép nối.

Máy đo và thiết bị được ghép nối phải đặt cách nhau tối đa 1 mét.

1

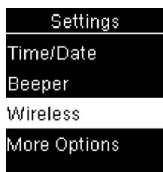
Chuẩn bị thiết bị để ghép nối. Tham khảo hướng dẫn sử dụng của thiết bị để biết thông tin ghép nối.

2



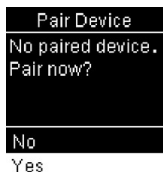
Bật máy đo bằng cách ấn nhanh vào **OK**. Từ **Main Menu** (Menu chính), ấn **OK** để chọn **Settings** (Cài đặt). Ấn **OK**.

3



Ấn **OK** để chọn **Wireless** (Không dây). Ấn **OK**.

4



Pair Device (Ghép nối thiết bị) sẽ xuất hiện. Để ghép nối thiết bị, ấn **OK** để chọn **Yes** (Có). Ấn **OK**.

5

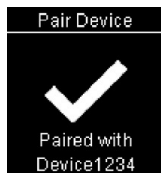


Máy đo sẽ hiển thị mã.

6

Thiết bị di động sẽ hiển thị danh sách các thiết bị được tìm thấy, bao gồm cả máy đo. Chọn máy đo trong danh sách. Khi được nhắc, hãy nhập mã hiển thị trên máy đo từ bước 5 vào thiết bị được ghép nối.

7

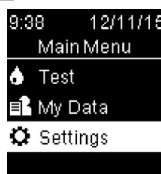


Khi ghép nối hoàn thành, dấu **✓** và tên của thiết bị ghép nối sẽ xuất hiện. Ấn **OK** để quay lại menu trước đó.

Chế độ máy bay

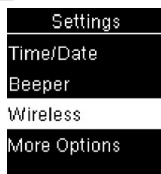
Chọn kết nối không dây có khả dụng hay không. Khi **Flight Mode** (Chế độ máy bay) được bật, biểu tượng  sẽ xuất hiện trong thanh tiêu đề và kết nối không dây sẽ không khả dụng.

1



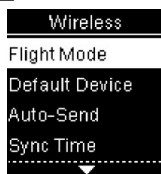
Bật máy đo bằng cách ấn nhanh vào **OK**. Từ **Main Menu** (Menu chính), ấn **OK** để chọn **Settings** (Cài đặt). Ấn **OK**.

2



Ấn **OK** để chọn **Wireless** (Không dây). Ấn **OK**.

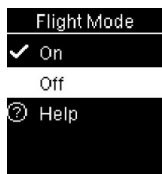
3



Flight Mode (Chế độ máy bay) sẽ được chọn. Ấn **OK**.

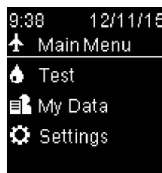
6 Kết nối không dây và ghép nối máy đo

4



Ấn hoặc để chọn **On** (Bật) hoặc **Off** (Tắt).
Ấn để di chuyển tới lựa chọn.

Ấn để xác nhận lựa chọn và quay lại menu trước đó.

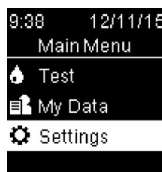


Main Menu (Menu chính) của máy đo đang ở Flight Mode (Chế độ máy bay).

Thiết bị mặc định

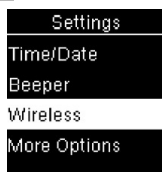
Nếu ghép nối với nhiều hơn 1 thiết bị, chọn thiết bị được ghép nối mặc định để sử dụng tính năng **Auto-Send** (Tự động gửi) và **Sync Time** (Đồng bộ hóa thời gian).

1



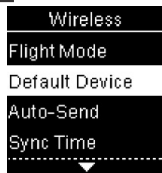
Bật máy đo bằng cách ấn nhanh vào . Từ **Main Menu** (Menu chính), ấn để chọn **Settings** (Cài đặt). Ấn .

2



Ấn để chọn **Wireless** (Không dây). Ấn .

3



Ấn để chọn **Default Device** (Thiết bị mặc định). Ấn .

4



Một danh sách các thiết bị được ghép nối sẽ xuất hiện.

Ấn để chọn thiết bị bạn muốn đặt làm thiết bị mặc định.

Ấn để di chuyển tới lựa chọn.

Ấn để xác nhận lựa chọn và quay lại menu trước đó.

Tự động gửi

Chọn xem dữ liệu có được tự động gửi tới thiết bị đã ghép nối mặc định sau mỗi lần đo không.

6 Kết nối không dây và ghép nối máy đo

1

9:38 12/11/15
Main Menu
Test
My Data
Settings

Bật máy đo bằng cách ấn nhanh vào **OK**. Từ **Main Menu** (Menu chính), ấn **▼** để chọn **Settings** (Cài đặt). Ấn **OK**.

2

Settings
Time/Date
Beeper
Wireless
More Options

Ấn **▼** để chọn **Wireless** (Không dây). Ấn **OK**.

3

Wireless
Flight Mode
Default Device
Auto-Send
Sync Time

Ấn **▼** để chọn **Auto-Send** (Tự động gửi). Ấn **OK**.

4

Auto-Send
✓ On
Off
Help

Ấn **▼** hoặc **▲** để chọn **On** (Bật) hoặc **Off** (Tắt). Ấn **OK** để di chuyển **✓** tới lựa chọn.

Ấn **OK** để xác nhận lựa chọn và quay lại menu trước đó.

Đồng bộ hóa thời gian

Chọn xem có đồng bộ hóa thời gian và ngày vào thiết bị đã ghép nối mặc định không.

1

9:38 12/11/15
Main Menu
Test
My Data
Settings

Bật máy đo bằng cách ấn nhanh vào **OK**. Từ **Main Menu** (Menu chính), ấn **▼** để chọn **Settings** (Cài đặt). Ấn **OK**.

2

Settings
Time/Date
Beeper
Wireless
More Options

Ấn **▼** để chọn **Wireless** (Không dây). Ấn **OK**.

3

Wireless
Flight Mode
Default Device
Auto-Send
Sync Time

Ấn **▼** để chọn **Sync Time** (Đồng bộ hóa thời gian). Ấn **OK**.

4

Sync Time
✓ On
Off
Help

Ấn **▼** hoặc **▲** để chọn **On** (Bật) hoặc **Off** (Tắt). Ấn **OK** để di chuyển **✓** tới lựa chọn.

Ấn **OK** để xác nhận lựa chọn và quay lại menu trước đó.

6 Kết nối không dây và ghép nối máy đo

Ghép nối thêm thiết bị

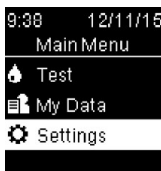
Đây là quy trình để thêm một thiết bị được ghép nối khác (giả sử đã có sẵn 1 thiết bị ghép nối).

Bạn có thể ghép nối 5 thiết bị.

Nếu bạn có 5 thiết bị đã ghép nối, bạn phải xóa một thiết bị đang ghép nối trước khi có thể thêm thiết bị khác.

Thiết bị mà bạn chọn vẫn sẽ là thiết bị mặc định cho đến khi bạn thay đổi.

1



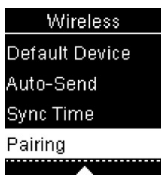
Bật máy đo bằng cách ấn nhanh vào **OK**. Từ **Main Menu** (Menu chính), ấn **▼** để chọn **Settings** (Cài đặt). Ấn **OK**.

2



Ấn **▼** để chọn **Wireless** (Không dây). Ấn **OK**.

3



Ấn **▼** để chọn **Pairing** (Ghép nối). Ấn **OK**.

4



Ấn **▼** hoặc **▲** để chọn **Pair Device** (Ghép nối thiết bị). Ấn **OK**.

Nếu có ít hơn 5 thiết bị được ghép nối:

Pair Device (Ghép nối thiết bị) sẽ xuất hiện. Tiếp tục thực hiện đến bước 5.

Pair Device (Ghép nối



Nếu đã có sẵn 5 thiết bị được ghép nối:

Maximum paired devices (Số thiết bị ghép nối tối đa) sẽ xuất hiện.

Bạn phải xóa một thiết bị ghép nối trước khi có thể tiếp tục thực hiện đến bước 5. Ấn **▼** hoặc **▲** để chọn **Yes** (Có). Ấn **OK**.



Ấn **▼** hoặc **▲** để chọn thiết bị muốn xóa. Ấn **OK**. Tiếp tục thực hiện đến bước 5.

5

Chuẩn bị thiết bị khác để ghép nối. Tham khảo hướng dẫn sử dụng của thiết bị khác này để biết thông tin về ghép nối.

6



Máy đo sẽ hiển thị mã.

7

Thiết bị di động sẽ hiển thị danh sách các thiết bị được tìm thấy, bao gồm cả máy đo. Chọn máy đo trong danh sách. Khi được nhắc, hãy nhập mã hiển thị trên máy đo từ bước 6 vào thiết bị được ghép nối.

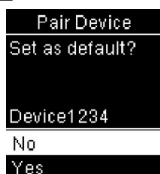
6 Kết nối không dây và ghép nối máy đo

8



Khi ghép nối hoàn thành, dấu ✓ và tên của thiết bị ghép nối sẽ xuất hiện. Ấn **OK**.

9



Nếu có hơn 1 thiết bị được ghép nối, máy đo sẽ hỏi bạn có muốn thiết bị mới này là thiết bị mặc định không. Ấn ▼ hoặc ▲ để chọn **No** (Không) hoặc **Yes** (Có). Ấn **OK** để xác nhận lựa chọn và quay lại **Pairing** (Ghép nối).

Ấn ⬅ để quay lại menu trước đó.

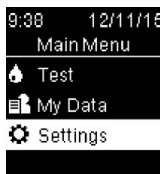
Xóa ghép nối

Đây là quy trình để xóa một thiết bị đã ghép nối (giả sử đã có ít nhất 1 thiết bị ghép nối).

Bạn có thể ghép nối 5 thiết bị. Nếu bạn có 5 thiết bị đã ghép nối, bạn phải xóa một thiết bị đang ghép nối trước khi ghép nối với thiết bị khác.

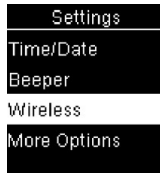
Thiết bị mà bạn chọn vẫn sẽ là thiết bị mặc định cho đến khi bạn thay đổi.

1



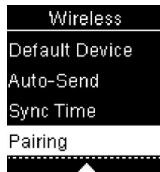
Bật máy đo bằng cách ấn nhanh vào **OK**. Từ **Main Menu** (Menu chính), ấn ▼ để chọn **Settings** (Cài đặt). Ấn **OK**.

2



Ấn ▼ để chọn **Wireless** (Không dây). Ấn **OK**.

3



Ấn ▼ để chọn **Pairing** (Ghép nối). Ấn **OK**.

4



Ấn ▼ hoặc ▲ để chọn **Delete Pairing** (Xóa ghép nối). Ấn **OK**.

5



Ấn ▼ hoặc ▲ để chọn thiết bị muốn xóa. Ấn **OK** để xác nhận lựa chọn đó.

6 Kết nối không dây và ghép nối máy đo

6

Delete Pairing

Deleted:
Device1234



Nếu thiết bị đã chọn không phải là thiết bị mặc định:

Thiết bị đang ghép nối sẽ được xóa. Tên của thiết bị đã xóa và ✓ sẽ xuất hiện.

Delete Pairing

Press OK to
choose new
default device.

Nếu thiết bị đã chọn là thiết bị mặc định:

Máy đo sẽ nhắc bạn chọn một thiết bị mặc định mới. Nếu chỉ còn 1 thiết bị, thiết bị này sẽ trở thành thiết bị mặc định. Danh sách các thiết bị đã ghép nối sẽ xuất hiện.

Chọn thiết bị mặc định mới và ấn **OK**. Tên của thiết bị đã xóa và ✓ sẽ xuất hiện cùng với thiết bị mặc định mới.

Delete Pairing

Deleted:
Device1234



New default:
Phone456

7 Bảo trì máy đo và xử lý sự cố

Bảo trì máy đo

Máy đo sẽ tự động kiểm tra hệ thống mỗi lần bạn bật máy và cho bạn biết nếu có vấn đề xảy ra. Xem phần Thông báo lỗi của chương này.

Nếu bạn làm rơi máy đo hoặc cho rằng kết quả không chính xác, hãy liên hệ Roche.

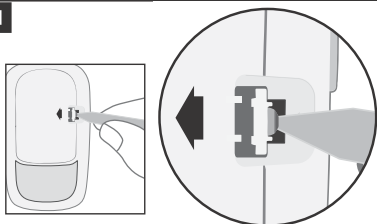
CẢNH BÁO

Nguy cơ chấn thương đe dọa đến tính mạng

Đảm bảo pin mới và cũ tránh xa tầm tay trẻ em. Xem phần cảnh báo trong phần Giới thiệu của hướng dẫn sử dụng cho người dùng để biết thêm thông tin.

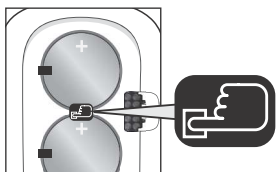
Thay pin

1



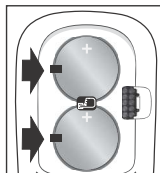
Mở nắp pin bảo vệ an toàn cho trẻ em bằng cách đưa một vật hẹp, chẳng hạn như đầu bút vào khe lấy (xem hình trên). Đẩy lấy theo hướng mũi tên và nhấc nắp pin lên.

2



Nhả pin cũ bằng cách ấn vào nút . Tháo pin cũ ra. Nhấn và giữ nút Tắt/mở/Cài đặt/OK ở mặt trước của máy đo đường huyết trong ít nhất 2 giây.

3



Gắn pin mới vào phía dưới khóa màu đen và nút , sao cho mặt có dấu (+) **hướng lên trên**. Lắp lại nắp pin và đẩy chặt. Thải bỏ pin cũ ngay.

LƯU Ý

- Luôn phải có một cặp pin dự phòng.
- Tuổi thọ pin có thể khác nhau tùy theo các yếu tố như nhiệt độ và hãng sản xuất pin.
- Máy đo sử dụng hai pin lithium 3 vôn, loại đồng xu CR2032. Loại pin này có thể được tìm thấy ở nhiều cửa hàng.
- Luôn thay hai pin cùng lúc và cùng một nhãn hiệu.
- Dữ liệu nhật ký sẽ được lưu lại khi bạn thay pin.

7 Bảo trì máy đo và xử lý sự cố

Làm sạch và khử trùng máy đo

Luôn giữ máy đo sạch bụi. Nếu bạn cần vệ sinh hoặc khử trùng máy, hãy tuân thủ các hướng dẫn sau đây cẩn thận để đạt được hiệu quả tốt nhất.



CẢNH BÁO

Nguy cơ lây nhiễm

Nếu máy đo được sử dụng bởi người thứ hai hỗ trợ đo cho người dùng thì người thứ hai đó cần phải khử trùng máy đo trước khi sử dụng.



CẢNH BÁO

Nguy cơ xảy ra sự cố nghiêm trọng đối với sức khỏe

- Không làm sạch hoặc khử trùng máy đo trong khi đang đo đường huyết hoặc đang kiểm tra bằng dung dịch chứng.
- Không để chất lỏng chảy vào bất kỳ khe hở nào của máy đo.
- Không xịt trực tiếp bất kỳ thứ gì lên máy đo.
- Không nhúng máy đo vào chất lỏng.

Thời điểm cần làm sạch hoặc khử trùng máy đo:

- Làm sạch máy đo để loại bỏ bụi bẩn nhìn thấy được hoặc các vật chất khác.
- Khử trùng máy đo giữa các lần đo cho bệnh nhân.

Vùng cần làm sạch hoặc sát trùng:

- Khu vực xung quanh các khe lắp và khe hở
- Màn hình máy đo
- Toàn bộ bề mặt máy đo

1

Đảm bảo máy đo đã được tắt.

Lau nhẹ bề mặt máy đo bằng một miếng vải mềm hơi ẩm (đã vắt khô) tắm một trong các dung dịch sau:

Để làm sạch máy đo

Nước rửa chén nồng độ nhẹ pha với nước

Để khử trùng máy đo

Cồn isopropyl 70 %

Lưu ý: Trong quá trình khử trùng, đảm bảo rằng bề mặt của máy đo được làm ẩm bằng cồn trong 2 phút. Có thể cần lau bề mặt thêm bằng vải tắm cồn.

2

Dùng vải mềm để lau khô kỹ máy đo.

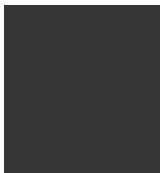
Thông báo lỗi

CẢNH BÁO

Nguy cơ xảy ra sự cố nghiêm trọng đối với sức khỏe

Sử dụng thông báo lỗi để thay đổi phương pháp điều trị của bạn có thể dẫn đến các quyết định điều trị không phù hợp.

- Không đưa ra quyết định điều trị dựa trên một thông báo lỗi.
- Nếu bạn có bất kỳ kỳ mỗi lo ngại nào hoặc thấy bất kỳ thông báo lỗi nào khác, hãy liên hệ Roche.



Máy đo không bật hoặc màn hình trống.

- Pin hỏng.

Lắp pin mới.

- Màn hình hỏng. / Máy đo lỗi.

Liên hệ Roche.

- Nhiệt độ quá cao.

Di chuyển máy đo tới khu vực có nhiệt độ phù hợp hơn.

 **Test Not Allowed**
Remove strip or USB cable.

Máy đo kết nối với máy tính và không thể đo đường huyết hoặc xét nghiệm kiểm chứng.

HOẶC tháo cáp USB và tiến hành đo hay kiểm tra
HOẶC tháo que thử và bắt đầu truyền tải dữ liệu.

 **Connection Lost**
Reconnect USB cable and retry.

Mất kết nối máy đo và máy tính.

Ngắt kết nối và kết nối lại cáp USB và thử lại.
Liên hệ Roche nếu vẫn bị mất kết nối.

 **No Connection**
Connect USB cable to continue.

Không có kết nối giữa máy đo và máy tính.

Kết nối cáp USB và thử lại.

 **Transfer Failed**
Ensure paired device is within range and turned on.

Không truyền tải được kết quả đường huyết sang thiết bị ghép nối.

Đảm bảo thiết bị ghép nối nằm gần khu vực máy đo và đang bật.

 **Connection Failed**
Check PC or USB cable.

Không truyền tải được dữ liệu từ máy đo sang máy tính.

Kiểm tra máy tính hoặc cáp USB.

7 Bảo trì máy đo và xử lý sự cố

 **Transfer**
Not Allowed

Wireless
communication
not allowed in
flight mode.

Không thể gửi được dữ liệu sang thiết bị ghép nối vì máy đo đang ở Flight Mode (Chế độ máy bay).

Thử truyền tải dữ liệu lại khi máy đo không ở Flight Mode (Chế độ máy bay).

 **Results**
Excluded

One or more
results may be
excluded from
averages.

Một hoặc nhiều kết quả đường huyết không được tính trong giá trị trung bình đã chọn vì các kết quả này không hợp lệ hoặc nằm ngoài khoảng đo của hệ thống.

 **Results**
Excluded

One or more
results may be
excluded from
target % data.

Một hoặc nhiều kết quả đường huyết không được tính trong dữ liệu % mục tiêu đã chọn vì các kết quả đo này không hợp lệ.

 **Results**
Excluded

One or more
results may be
excluded from
low/high data.

Một hoặc nhiều kết quả đường huyết không được tính trong dữ liệu cao/thấp đã chọn vì các kết quả đo này không hợp lệ.

 **Invalid Date**

Check the date.

Ngày đã nhập không hợp lệ.

Nhập ngày chính xác.

 **Flight Mode**
Active

Wireless is off.
Selected setting
was saved.

Cài đặt máy đo đường huyết đã thay đổi khi đang ở Flight Mode (Chế độ máy bay).

Không thể thay đổi cài đặt cho đến khi tắt Flight Mode (Chế độ máy bay).

7 Bảo trì máy đo và xử lý sự cố

⚠ Flight Mode
Active

Wireless is off.
Pairing is not
allowed.

Không thể ghép nối thiết bị khi đang ở Flight Mode (Chế độ máy bay).

Thử ghép nối khi máy đo không ở Flight Mode (Chế độ máy bay).

⊗ Strip Error

Reinsert or
replace with
new strip.

(E-1)

Que thử có thể bị hỏng, không được lắp đúng cách hoặc đã từng sử dụng.

Tháo và lắp lại que thử hoặc thay mới nếu bị hỏng hoặc đã từng sử dụng.

⚠ Auto-Send
Not Complete

Transfer still
pending. Ensure
paired device
is within range
and turned on.

Không gửi được kết quả đường huyết tới thiết bị ghép nối mặc định. Truyền tải vẫn đang tạm hoãn.

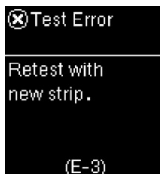
Đặt máy đo và thiết bị ghép nối gần nhau hơn.

⚠ Pairing Failed

Retry pairing.

Máy đo không thể ghép nối với thiết bị.

Thử ghép nối lại.



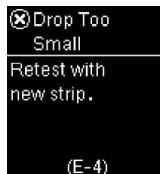
Máy đo hoặc que thử xảy ra lỗi.

Thông báo lỗi này có thể xuất hiện nếu nắp của lọ chứa que thử không được đóng chặt. Que thử có thể đã bị hỏng do bảo quản hoặc xử lý không đúng cách.

Không đưa ra quyết định điều trị dựa trên một thông báo lỗi.

Lặp lại thao tác đo đường huyết. Nếu thông báo lỗi E-3 xuất hiện lần thứ hai, hãy tiến hành kiểm tra bằng dung dịch chứng với dung dịch chứng và que thử mới. Xem phần Thực hiện kiểm tra bằng dung dịch chứng trong chương Kiểm tra bằng dung dịch chứng. Nếu bạn tiếp tục nhận được thông báo lỗi E-3, hãy sử dụng phương pháp thay thế để đo đường huyết, chẳng hạn như máy đo đường huyết và que thử dự phòng. Nếu phương pháp thay thế cho ra kết quả đường huyết quá cao, hoặc không có sẵn phương pháp thay thế, **hãy liên hệ nhân viên y tế ngay.**

Trong một vài trường hợp hiếm gặp, thông báo lỗi E-3 có thể cho biết đường huyết của bạn đã quá cao và cao hơn khoảng có thể đo được của hệ thống. **Xem phần Kết quả đường huyết bất thường trong chương Đo đường huyết để biết thêm về các nguyên nhân có thể khác của thông báo lỗi.**



Không có đủ máu hoặc dung dịch chứng trên que thử để đo hoặc nhỏ sau khi đã bắt đầu đo hoặc kiểm tra.

Thải bỏ que thử và **lặp lại** thao tác đo đường huyết hoặc kiểm tra bằng dung dịch chứng.



Nhỏ máu hoặc dung dịch chứng vào que thử trước khi xuất hiện **Apply drop** (Nhỏ giọt).

Thải bỏ que thử và **lặp lại** thao tác đo đường huyết hoặc kiểm tra bằng dung dịch chứng.



Đã xảy ra lỗi điện tử.

Tháo pin, ấn và giữ nút Tắt/mở/Cài đặt/OK trong ít nhất 2 giây và lắp pin lại. Tiến hành đo đường huyết hoặc kiểm tra bằng dung dịch chứng.

7 Bảo trì máy đo và xử lý sự cố

⊗ Temperature
Error

Move meter
to correct
temperature.

(E-8)

Nhiệt độ cao hơn hoặc thấp hơn khoảng chính xác của hệ thống.

Đọc kỹ tờ hướng dẫn sử dụng que thử để biết điều kiện vận hành hệ thống. Di chuyển tới khu vực có điều kiện phù hợp và lặp lại thao tác đo đường huyết hoặc kiểm tra bằng dung dịch chứng. Không làm nóng hoặc làm mát máy đo.

⊗ Replace
Batteries

Replace batteries
now.

(E-9)

Pin có thể đã hết.

Bật lại máy đo. **Nếu bạn đang ở môi trường lạnh, hãy di chuyển tới địa điểm có nhiệt độ phù hợp hơn và đo lại.** Nếu thông báo tiếp tục xuất hiện sau nhiều lần thử, hãy thay pin khác. Nếu thông báo này vẫn xuất hiện sau khi đã thay pin, hãy tháo pin, ấn và giữ nút Tắt/mở/Cài đặt/OK trong ít nhất 2 giây, sau đó lắp lại pin.

⊗ Time/Date
Error

Correct
time/date
if necessary.

(E-10)

Cài đặt thời gian và ngày có thể không chính xác.

Đảm bảo thời gian và ngày chính xác và hãy điều chỉnh nếu cần thiết.

⊗ Test Error

Retest with
new strip.

(E-11)

Que thử có thể bị hỏng.

Đo lại bằng một que thử mới.

⊗ High Ascorbate

Contact your
healthcare
professional.

(E-12)

Mẫu máu của bạn có thể chứa ascorbate ở nồng độ cao.

Liên hệ nhân viên y tế của bạn.

⊗ Strip Error

Reinsert or
replace with
new strip.

(E-13)

Có chất lỏng hoặc vật lạ trong khe cắm que thử.

Tháo que thử và lắp lại hoặc lặp lại thao tác đo đường huyết hay kiểm tra bằng dung dịch chứng với một que thử mới. Nếu vấn đề vẫn xảy ra, hãy liên hệ Roche.

⊗ Electronic
Error

Contact Roche.

(E-14)

⊗

(E-14)

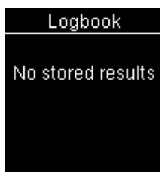
Đã xảy ra lỗi điện tử.

Liên hệ Roche.

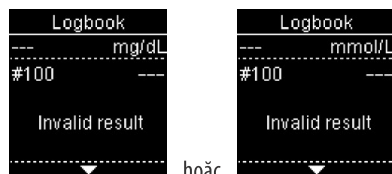
7 Bảo trì máy đo và xử lý sự cố



Thời gian và ngày trên máy đo đã thay đổi để khớp với thiết bị ghép nối.



Không tìm thấy kết quả trong Logbook (Nhật ký).



Có một kết quả không hợp lệ trong Logbook (Nhật ký).



Không có kết quả đo trong phạm vi dữ liệu đã chọn.



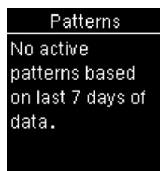
Target Ranges (Các khoảng chỉ số mục tiêu) đã **Off** (Tắt) và không có kết quả Target % (dữ liệu % mục tiêu) nào trong máy đo.



Target Ranges (Các khoảng chỉ số mục tiêu) đã **Off** (Tắt) và không có kết quả dữ liệu cao/thấp nào trong máy đo.

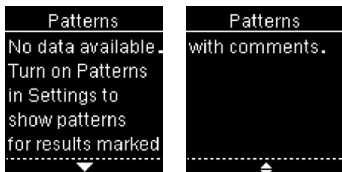


Không có kết quả nào được lưu trong máy đo với dữ liệu đã chọn.



Patterns (Xu hướng) **On** (Bật) nhưng không có xu hướng nào hiện có trong máy đo.

7 Bảo trì máy đo và xử lý sự cố



Patterns (Xu hướng) **Off** (Tắt).



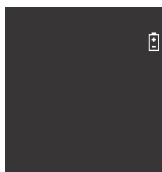
Mức đường huyết có thể cao hơn khoảng đo của hệ thống.

Xem phần Kết quả đường huyết bất thường trong chương Đo đường huyết.



Mức đường huyết có thể thấp hơn khoảng đo của hệ thống.

Xem phần Kết quả đường huyết bất thường trong chương Đo đường huyết.



Pin đã gắn hết.

Thay pin ngay. Nếu biểu tượng này vẫn xuất hiện sau khi đã thay pin, hãy tháo pin một lần nữa, ấn và giữ nút Tắt/mở/Cài đặt/OK trong tối thiểu 2 giây, sau đó lắp lại pin.

8 Thông tin kỹ thuật

Thông số về giới hạn hoạt động của sản phẩm

Tham khảo tài liệu hướng dẫn sử dụng que thử và dung dịch chứng để biết thông tin mới nhất về thông số kỹ thuật và giới hạn của sản phẩm.

Thông số kỹ thuật	
Thể tích mẫu Loại mẫu Thời gian đo Khoảng đo Các điều kiện bảo quản que thử Các điều kiện vận hành hệ thống	Tham khảo tờ hướng dẫn sử dụng que thử.
Các điều kiện bảo quản máy đo	Nhiệt độ: -25–70 °C
Dung lượng bộ nhớ	720 kết quả đường huyết và 32 kết quả kiểm chứng kèm theo thời gian và ngày
Tự động tắt	90 giây
Nguồn cấp điện	Hai pin lithium 3 vôn (loại đồng xu CR2032)
Màn hình	LCD
Kích thước	80 × 47 × 20 mm (Dài x Rộng x Cao)
Trọng lượng	Khoảng 48 g (cả pin)
Cấu trúc	Cầm tay
Phân loại bảo vệ	III
Loại máy đo	Máy đo đường huyết Accu-Chek Guide thích hợp để sử dụng liên tục.
Các điều kiện bảo quản dung dịch chứng	Tham khảo tờ hướng dẫn sử dụng dung dịch chứng.
Giao diện 	USB: cổng kết nối micro-B; <i>Bluetooth®</i> công nghệ năng lượng thấp; Chứng nhận Continua Certified® dành cho trình quản lý Continua Certified.
Kết nối tần số vô tuyến	Công nghệ Bluetooth năng lượng thấp hoạt động trong băng tần 2,402 GHz đến 2,480 GHz với công suất phát tối đa 0 dBm (1 mW).

Khả năng tương thích điện từ – Máy đo đáp ứng các yêu cầu bức xạ điện từ theo tiêu chuẩn EN 61326-2-6. Do đó, khả năng bức xạ điện từ của sản phẩm thấp. Sự gây nhiễu đối với thiết bị chạy bằng điện khác không được dự đoán.

Phân tích Hiệu năng – Tham khảo tờ hướng dẫn sử dụng que thử.

Nguyên lý đo – Tham khảo tờ hướng dẫn sử dụng que thử.

Tuyên bố tuân thủ – Bằng tài liệu này, Roche tuyên bố rằng máy đo đường huyết chủng loại thiết bị vô tuyến Accu-Chek Guide tuân thủ theo Chỉ thị 2014/53/EU. Văn bản đầy đủ của tuyên bố tuân thủ EU có sẵn tại địa chỉ internet sau:
<http://declarations.accu-chek.com>

Giao thức giao tiếp – Máy đo đường huyết Accu-Chek Guide được chứng nhận Continua Certified. Chứng nhận Continua Certified cho biết sản phẩm này tuân thủ các tiêu chuẩn IEEE 11073-10417 hiện hành và đã được kiểm thử cũng như chứng nhận theo Hướng dẫn Thiết kế Continua 2014 quy định về các thông số Đường huyết dành cho Bluetooth, *Bluetooth SIG, Glucose Profile, Version 1.0* và *Bluetooth SIG, Glucose Service, Version 1.0*.

Thông tin an toàn của sản phẩm

LƯU Ý

- Từ trường mạnh có thể gây nhiễu hoạt động chính xác của máy đo. Không sử dụng máy đo gần các nguồn phát bức xạ điện từ mạnh.
- Để tránh phóng tĩnh điện, không sử dụng máy đo trong môi trường quá khô, đặc biệt là môi trường có vật liệu tổng hợp.

Thải bỏ máy đo



CẢNH BÁO

Nguy cơ lây nhiễm

Trong quá trình đo đường huyết, máy đo sẽ có thể bị dính máu. Do đó, những máy đo đã qua sử dụng sẽ mang nguy cơ lây nhiễm.

Trước khi thải bỏ máy đo, hãy tháo pin.

Thải bỏ máy đo đã qua sử dụng theo những quy định hiện hành tại quốc gia của bạn. Liên hệ với hội đồng và chính quyền địa phương để biết thông tin về thải bỏ đúng cách.

Máy đo không thuộc phạm vi quy định của chỉ thị châu Âu 2012/19/EU (Chỉ thị về chất thải điện và thiết bị điện (WEEE)).

Thải bỏ pin đã qua sử dụng theo quy định về môi trường địa phương.

Sản phẩm này bao gồm các thành phần bên trong có chứa Chất có mức độ lo ngại rất cao (SVHC), 1,2-Dimethoxyethane (CAS 110-71-4), Hexabromocyclododecane (CAS 25637-99-4), Chì Titanium Trioxide (CAS 12060-00-3) và/hoặc Chì Titanium Zirconium Oxide (CAS 12626-81-2), với nồng độ trên 0,1 % trọng lượng, như được xác định theo REACH và được thêm vào Danh sách để cử.

Không có tiếp xúc trực tiếp với hóa chất và do đó không có rủi ro khi thiết bị được vận hành theo hướng dẫn sử dụng.

8 Thông tin kỹ thuật

Giải thích ký hiệu

Những ký hiệu này có thể xuất hiện trên vỏ hộp, nhãn và trong hướng dẫn sử dụng của Máy đo đường huyết Accu-Chek Guide.

	Tham khảo hướng dẫn sử dụng hoặc tham khảo hướng dẫn sử dụng có định dạng điện tử
	Thận trọng, xem các lưu ý về an toàn trong hướng dẫn sử dụng kèm theo sản phẩm này.
	Giới hạn nhiệt độ
	Hạn sử dụng
	Đảm bảo pin mới và cũ tránh xa tầm tay trẻ em.
	Loại đồng xu 3 vôn CR2032
	Nguy cơ sinh học – máy đo đã qua sử dụng có thể có nguy cơ lây nhiễm.
	Ngày sản xuất
	Thiết bị y tế chẩn đoán in vitro
	Thiết bị dùng để tự đo
	Thiết bị dùng để xét nghiệm tại chỗ cho bệnh nhân
	Nhà sản xuất
	Nhận dạng thiết bị duy nhất
	Mã phân định thương phẩm toàn cầu
	Số catalog
	Số seri
	Mã lô
	Tuân thủ các quy định của pháp luật Châu Âu hiện hành

8 Thông tin kỹ thuật

Sản phẩm bổ sung

Que thử: Que thử đường huyết Accu-Chek Guide

Dung dịch chứng: Dung dịch chứng Accu-Chek Guide

Thông tin dành cho nhân viên y tế

Hệ thống này có thể được sử dụng tại các cơ sở chăm sóc sức khỏe chuyên nghiệp chẳng hạn như phòng mạch bác sĩ, phòng khám đa khoa, trong trường hợp nghi ngờ mắc bệnh đái tháo đường và trong trường hợp khẩn cấp.

CẢNH BÁO

Nguy cơ lây nhiễm

Bất kỳ vật thể nào có tiếp xúc với máu người đều có thể là nguồn lây nhiễm. Nhân viên y tế cần phải tuân thủ các quy trình kiểm soát lây nhiễm hiện hành tại cơ sở của bạn. Tham khảo tờ hướng dẫn sử dụng que thử để biết thông tin bổ sung dành cho nhân viên y tế.

Xử lý mẫu

Luôn đeo găng tay khi xử lý các vật chứa máu. Luôn tuân thủ các quy trình đã được công nhận khi xử lý vật có khả năng dính mẫu vật từ người. Tuân thủ chính sách vệ sinh và an toàn của phòng xét nghiệm hoặc viện y tế của bạn. Chuẩn bị khu vực lấy máu đã lựa chọn theo chính sách của cơ sở.

Tham khảo tờ hướng dẫn sử dụng que thử để biết thêm thông tin về loại mẫu, thuốc chống đông máu và hướng dẫn xử lý được chấp thuận.

Khuyến nghị vị trí lấy máu thay thế cho bệnh nhân

Các quyết định về việc khuyến nghị vị trí lấy máu thay thế (AST) nên cân nhắc đến động lực và trình độ hiểu biết, cũng như khả năng hiểu các lưu ý về bệnh đái tháo đường và AST của bệnh nhân. Nếu bạn đang cân nhắc AST cho bệnh nhân của bạn, bạn cần phải hiểu rằng có thể có chênh lệch đáng kể giữa các kết quả đo từ máu lấy tại đầu ngón tay hoặc lòng bàn tay và kết quả đo từ máu lấy tại cẳng tay hoặc bắp tay. Sự khác biệt giữa nồng độ máu mao

mạch khi nằm và sự tưới máu đi khắp cơ thể có thể dẫn đến sự chênh lệch giữa vị trí này và vị trí khác trong kết quả đường huyết. Những tác động sinh lý này khác nhau giữa các cá nhân và có thể khác nhau trong cùng một cá nhân dựa trên hành vi và tình trạng thể chất tương ứng của họ.

Các nghiên cứu của chúng tôi về vị trí lấy máu thay thế của người trưởng thành mắc đái tháo đường cho thấy hầu hết mọi người đều sẽ thấy nồng độ đường trong máu lấy từ đầu ngón tay hoặc lòng bàn tay sẽ thay đổi nhanh hơn trong máu lấy từ cẳng tay hoặc bắp tay. Điều này đặc biệt quan trọng khi nồng độ đường huyết giảm hoặc tăng nhanh chóng. Nếu bệnh nhân của bạn đã quen với việc đưa ra quyết định điều trị dựa trên kết quả đo từ máu lấy tại đầu ngón tay hoặc lòng bàn tay, thì họ nên xem xét đến độ trễ và thời gian trễ ảnh hưởng đến kết quả đo từ máu lấy tại cẳng tay hoặc bắp tay.

9 Bảo hành

Bảo hành

Các quy định của pháp luật về quyền lợi trong kinh doanh hàng tiêu dùng tại quốc gia mua hàng sẽ được áp dụng.

Văn bản hiển thị tiếng Việt

Văn bản hiển thị tiếng Anh	Văn bản hiển thị tiếng Việt
1 hour	1 giờ
1.5 hours	1,5 giờ
2 hours	2 giờ
12 hour	12 giờ
24 hour	24 giờ
7 days	7 ngày
14 days	14 ngày
30 days	30 ngày
90 days	90 ngày
2 Ranges	2 khoảng chỉ số mục tiêu
A reminder will occur 1, 1.5, or 2 hours later, when you mark any BG result as Before meal.	Trình nhắc nhở sẽ lặp lại 1, 1,5 hoặc 2 giờ sau khi bạn đánh dấu kết quả đường huyết trước bữa ăn.
About	Khoảng
Above	Cao hơn
Above target	Cao hơn mục tiêu
Add Comment	Thêm bình luận
After breakfast	Sau ăn sáng
After dinner	Sau ăn tối
After lunch	Sau ăn trưa
After meal	Sau bữa ăn
After Meal	Sau bữa ăn
After snack	Sau ăn nhẹ
am	sáng
Analyzing	Đang phân tích
Apply drop	Nhỏ giọt
Auto power-off	Tự động tắt nguồn
Automatically send the result to the default paired wireless device after each test.	Tự động gửi kết quả tới thiết bị ghép nối không dây mặc định sau mỗi lần đo/kiểm tra.
Auto-Send	Tự động gửi
Auto-Send Not Complete	Tự động gửi không hoàn thành
Average	Trung bình
Averages	Giá trị trung bình
Bedtime	Giờ đi ngủ
Beeper	Tiếng bíp
Before breakfast	Trước bữa sáng
Before dinner	Trước bữa tối
Before lunch	Trước bữa trưa
Before meal	Trước bữa ăn
Before Meal	Trước bữa ăn

Văn bản hiển thị tiếng Việt

Văn bản hiển thị tiếng Anh	Văn bản hiển thị tiếng Việt
Before snack	Trước ăn nhẹ
Below	Thấp hơn
Below target	Thấp hơn mục tiêu
Breakfast	Bữa sáng
Check PC or USB cable.	Kiểm tra PC hoặc cáp USB.
Check the date.	Kiểm tra ngày.
Choose an option.	Chọn lựa chọn.
Choose Device	Chọn thiết bị
Choose whether to synchronize time with the default device.	Chọn đồng bộ thời gian với thiết bị mặc định không.
Complete	Hoàn thành
Connect USB cable to continue.	Kết nối cáp USB để tiếp tục.
Connecting	Đang kết nối
Connecting to	Đang kết nối đến
Connection Failed	Kết nối thất bại
Connection Lost	Mất kết nối
Consider checking BG, ketones, and insulin.	Xem xét kiểm tra đường huyết, ketone và insulin.
Contact Roche.	Liên hệ Roche.
Contact your healthcare professional.	Liên hệ nhân viên y tế của bạn.
Control Result	Kết quả kiểm chứng
Correct time/date if necessary.	Điều chỉnh thời gian/ngày nếu cần.
Create or delete a wireless connection between the meter and another device.	Tạo hoặc xóa kết nối không dây giữa máy đo và thiết bị khác.
Data Transfer	Truyền tải dữ liệu
DD	Ngày
Default Device	Thiết bị mặc định
Delete Pairing	Xóa ghép nối
Deleted	Đã xóa
Details	Chi tiết
Dinner	Bữa tối
Display Check	Kiểm tra màn hình
Drop Applied Early	Nhỏ giọt quá sớm
Drop Too Small	Không đủ giọt
Edit time	Chỉnh thời gian
Electronic Error	Lỗi điện tử
Ensure paired device is within range and turned on.	Đảm bảo thiết bị ghép nối trong khoảng chỉ số mục tiêu và đã bật.
Enter code on device.	Nhập mã trên thiết bị.
Error Log	Bản ghi lỗi
Fasting	Khi đói

Văn bản hiển thị tiếng Việt

Văn bản hiển thị tiếng Anh	Văn bản hiển thị tiếng Việt
Flight Mode	Chế độ máy bay
Flight Mode Active	Kích hoạt chế độ máy bay
For results marked with comments, shows high or low BG patterns based on set target ranges.	Với những kết quả có bình luận, hiển thị xu hướng đường huyết cao hoặc thấp theo khoảng chỉ số mục tiêu đã cài đặt.
GTIN	Mã phân định thương phẩm toàn cầu
Help	Trợ giúp
HH	Giờ
HI	HI
HI Result	Kết quả HI
High Ascorbate	Ascorbate cao
High BG Data	Dữ liệu đường huyết cao
High Pattern	Xu hướng cao
High Patterns	Các xu hướng cao
Insert strip	Chèn que thử
Invalid Date	Ngày không hợp lệ
Invalid record	Hồ sơ không hợp lệ
Invalid result	Kết quả không hợp lệ
Language	Ngôn ngữ
Last Result	Kết quả gần nhất
Level 1	Mức 1
Level 2	Mức 2
Level 3	Mức 3
LO	LO
LO Result	Kết quả LO
Logbook	Nhật ký
Low Batteries	Pin yếu
Low BG Data	Dữ liệu đường huyết thấp
Low Pattern	Xu hướng thấp
Low Patterns	Các xu hướng thấp
Low/High Data	Dữ liệu thấp/cao
Lunch	Bữa trưa
Main Menu	Menu chính
Maximum paired devices. Delete pairing?	Số thiết bị ghép nối tối đa. Xóa ghép nối?
Meter	Máy đo
Meter SN	Số seri máy đo
Meter time has been updated to match time on paired device.	Thời gian máy đo đã được cập nhật để khớp với thời gian trên thiết bị ghép nối.
MM	Tháng

Văn bản hiển thị tiếng Việt

Văn bản hiển thị tiếng Anh	Văn bản hiển thị tiếng Việt
More Options	Thêm Lựa chọn
Move meter to correct temperature.	Di chuyển máy đo đến nơi có nhiệt độ phù hợp.
My Data	Dữ liệu của tôi
New default	Mặc định mới
New pattern detected.	Đã phát hiện xu hướng mới.
No	Không
No active patterns based on last 7 days of data.	Hiện không có xu hướng nào theo dữ liệu 7 ngày gần nhất.
No Connection	Không có kết nối
No data available. Enable target ranges to track low/high BG data.	Không có sẵn dữ liệu. Bật khoảng chỉ số mục tiêu để theo dõi dữ liệu đường huyết thấp/cao.
No data available. Enable target ranges to track target data.	Không có sẵn dữ liệu. Bật khoảng chỉ số mục tiêu để theo dõi dữ liệu mục tiêu.
No data available. Turn on Patterns in Settings to show patterns for results marked with comments.	Không có sẵn dữ liệu. Bật xu hướng trong cài đặt để hiển thị xu hướng cho các kết quả có bình luận.
No data for selection	Không có dữ liệu để chọn
No entry	Không có mục nhập
No high BG data available	Không có sẵn dữ liệu đường huyết cao
No low BG data available	Không có sẵn dữ liệu đường huyết thấp
No paired device. Pair now?	Không có thiết bị ghép nối. Ghép nối ngay?
No Patterns	Không có xu hướng
No stored errors	Không có lưu trữ lỗi
No stored results	Không có lưu trữ kết quả
Off	Tắt
On	Bật
One or more results may be excluded from averages.	Có thể xuất một hoặc nhiều kết quả trong các giá trị trung bình.
One or more results may be excluded from low/high data.	Có thể xuất một hoặc nhiều kết quả trong dữ liệu thấp/cao.
One or more results may be excluded from target % data.	Có thể xuất một hoặc nhiều kết quả trong dữ liệu mục tiêu %.
Other	Khác
Out of range	Ngoài khoảng chỉ số mục tiêu
Overall	Toàn bộ
Pair Device	Ghép nối thiết bị
Paired with	Đã ghép nối với
Pairing	Ghép nối
Pairing Failed	Ghép nối thất bại
Patterns	Xu hướng
Patterns will also be disabled. Continue?	Xu hướng cũng sẽ được tắt. Tiếp tục?

Văn bản hiển thị tiếng Việt

Văn bản hiển thị tiếng Anh	Văn bản hiển thị tiếng Việt
pm	chiều
Post Meal	Sau bữa ăn
Preparing to test	Đang chuẩn bị kiểm tra / Đang chuẩn bị đo
Press and hold button to turn meter off.	Ấn và giữ nút để tắt máy đo.
Press OK to choose new default device.	Ấn OK để chọn thiết bị mặc định mới.
Reconnect USB cable and retry.	Kết nối lại cáp USB và thử lại.
Reinsert or replace with new strip.	Lắp lại và thay thế que thử mới.
Remind after	Nhắc nhở sau
Reminder	Nhắc nhở
Reminders	Nhắc nhở
Remove batteries, press any button, reinsert batteries.	Tháo pin, ấn nút bất kỳ, lắp lại pin.
Remove finger	Nhắc ngón tay
Remove strip or USB cable.	Tháo que thử hoặc cáp USB.
Replace Batteries	Thay pin
Replace batteries now.	Thay pin ngay.
Results Excluded	Kết quả đã xuất
Retest BG. Contact your healthcare professional.	Thử lại đường huyết. Liên hệ nhân viên y tế của bạn.
Retest with new strip.	Thử lại bằng que thử mới.
Retry pairing.	Thử ghép nối lại.
Select level	Chọn mức
Select On to disable wireless communication.	Chọn bật để tắt kết nối không dây.
Select the paired device to automatically receive your BG data.	Chọn thiết bị ghép nối để tự động nhận dữ liệu đường huyết của bạn.
Select USB Cable to transfer data from meter to PC. Select Wireless to transfer data to a paired device.	Chọn cáp USB để chuyển dữ liệu từ máy đo sang PC. Chọn không dây để chuyển dữ liệu sang thiết bị ghép nối.
Set as default?	Đặt làm mặc định?
Settings	Cài đặt
Show last BG result on the display with current BG result.	Hiển thị kết quả đường huyết gần nhất trên màn hình cùng kết quả đường huyết hiện tại.
Shows above, within, or below arrow symbol with each result based on set target range.	Hiển thị biểu tượng mũi tên cao hơn, trong hoặc thấp hơn cùng mỗi kết quả dựa trên khoảng chỉ số mục tiêu đã cài đặt.
Shutdown	Tắt máy
Single Range	Khoảng chỉ số mục tiêu duy nhất
Snack	Ăn nhẹ
Strip Error	Lỗi que thử
Sync Time	Đồng bộ hóa thời gian
Target %	% mục tiêu

Văn bản hiển thị tiếng Việt

Văn bản hiển thị tiếng Anh	Văn bản hiển thị tiếng Việt
Target Range	Khoảng chỉ số mục tiêu
Target Ranges	Các khoảng chỉ số mục tiêu
Target ranges must be set up. Set up now?	Phải cài đặt khoảng chỉ số mục tiêu. Cài đặt ngay?
Temperature Error	Lỗi nhiệt độ
Test	Đo / Kiểm tra
Test Counter	Bộ đếm lần đo/kiểm tra
Test Error	Lỗi đo/kiểm tra
Test Not Allowed	Không được phép đo/kiểm tra
Tests	Các lần đo/kiểm tra
Time Format	Định dạng thời gian
Time/Date	Thời gian/ngày
Time/Date Error	Lỗi thời gian/ngày
Transfer Failed	Truyền tải thất bại
Transfer failed. Result can be sent using Data Transfer.	Truyền tải thất bại. Có thể gửi kết quả qua truyền tải dữ liệu.
Transfer Not Allowed	Không được phép truyền tải
Transfer pending. Place paired device close to meter.	Đang chờ truyền tải. Đặt thiết bị ghép nối gần với máy đo.
Transfer still pending. Ensure paired device is within range and turned on.	Vẫn đang chờ truyền tải. Đảm bảo thiết bị ghép nối trong khoảng chỉ số mục tiêu và đã bật.
Transferred to	Đã truyền tải tới
Transferring data	Đang truyền tải dữ liệu
Transferring to	Đang truyền tải tới
Turn Sync Time off?	Tắt đồng bộ hóa thời gian?
UI Firmware	Phần mềm UI
USB Cable	Cáp USB
View later	Xem sau
WARNING	CẢNH BÁO
Wireless	Không dây
Wireless communication not allowed in flight mode.	Không được phép kết nối không dây ở chế độ máy bay.
Wireless is off. Pairing is not allowed.	Kết nối không dây tắt. Không được phép ghép nối.
Wireless is off. Selected setting was saved.	Kết nối không dây tắt. Đã lưu cài đặt đã chọn.
Within	Trong
Within range	Trong khoảng chỉ số mục tiêu
Within target	Trong mục tiêu
Would you like to turn on Patterns?	Bạn có muốn bật xu hướng không?
Yes	Có
YY	Năm

Chỉ mục

B

bảo hành 63
bảo trì, máy đo 49
biểu tượng
 IVD 61
 kết quả đường huyết 15
 màn hình máy đo 9
bình luận, thêm vào kết quả đo 15

C

cài đặt, máy đo 24
 các khoảng chỉ số mục tiêu 26
 các nhắc nhở 29
 định dạng thời gian 33
 kết quả gần nhất 32
 ngôn ngữ 32
 sau bữa ăn 31
 thời gian/ngày 25
 tiếng bíp 25
 xu hướng 28

D

dữ liệu cao/thấp 36
dữ liệu % mục tiêu 35
dung dịch chứng 20

Đ

đo đường huyết, đang tiến hành 12
đường huyết, cảnh báo 14
đường huyết cao 19
đường huyết thấp 19

G

giá trị trung bình 35
giới hạn của sản phẩm 58

H

hạ đường huyết 19
hạn sử dụng 11, 20

K

kết nối không dây
 chế độ máy bay 43
 đồng bộ hóa thời gian 45
ghép nối, lần đầu 43

ghép nối thêm thiết bị 46
thiết bị mặc định 44
tổng quan 42
tự động gửi 44
xóa thiết bị đã ghép nối 47
kết quả đường huyết, bất thường 18
kết quả kiểm chứng, ngoài khoảng chỉ số mục tiêu 22
kiểm tra bằng dung dịch chứng, đang tiến hành 20

L

làm sạch và khử trùng 50
loại pin 58

N

nhân viên y tế 62
nhật ký 34
nút, chức năng 7

P

pin, đang thay 49

Q

que thử 11

S

sản phẩm bổ sung 62

T

tăng đường huyết 19
thông báo lỗi 51
thông số về giới hạn hoạt động của sản phẩm 58
thông tin an toàn của sản phẩm 59
thông tin kỹ thuật 58
truyền tải dữ liệu 40
 không dây 40
 USB 41

V

văn bản hiển thị tiếng việt 64
vị trí lấy máu thay thế 16, 62

X

xu hướng 38

CẬP NHẬT LẦN CUỐI: 2021-06



Roche Diabetes Care GmbH
Sandhofer Strasse 116
68305 Mannheim, Germany
www.accu-chek.com



ACCU-CHEK và ACCU-CHEK GUIDE là các nhãn hiệu thương mại của Roche.



CONTINUA, các logo của CONTINUA và CONTINUA CERTIFIED là các nhãn hiệu, nhãn hiệu dịch vụ hoặc nhãn hiệu chứng nhận của Continua Health Alliance. CONTINUA là nhãn hiệu đã đăng ký bảo hộ tại một số quốc gia, nhưng không phải tất cả các quốc gia phân phối sản phẩm này.

Nhãn hiệu và biểu tượng *Bluetooth*® là nhãn hiệu đã đăng ký bảo hộ thuộc sở hữu của Bluetooth SIG, Inc. và Roche sử dụng nhãn hiệu này bất cứ khi nào đều đã được cấp phép.

Tất cả tên sản phẩm và nhãn hiệu khác đều là tài sản của các đơn vị sở hữu tương ứng.

© 2021 Roche Diabetes Care

BASED ON 09074627061A-0821